

Kinh Đại Thừa Công Đức Tạo Tượng Phật

TK Thích Thiện Thông

---o0o---

Nguồn

<http://www.tuvienquangduc.com.au/>

Chuyển sang ebook 25-03-2016

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao_ksd@yahoo.com.vn

Tuyết Nhung - tuyetnhungbc1617@yahoo.com.vn

Dũng Trần - dungxtr2004@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục lục

LỜI GIỚI THIỆU
THAY LỜI TỰA
QUYỀN THƯỢNG
QUYỀN HẠ

---o0o---

KINH ĐẠI THỪA CÔNG ĐỨC TẠO TƯỢNG PHẬT

Triều Vua ĐẠI ĐUỜNG: Nước VU ĐIỀN

Tam Tạng Sa Môn: ĐỀ VÂN BÁT NHÃ vâng chiếu dịch.

Việt Nam. Tỳ kheo THÍCH THIÊN THÔNG dịch ra Việt văn.

---o0o---

LỜI GIỚI THIỆU

Nhiều người biết: hễ ai thành tâm tạo tượng Phật, thì có được nhiều công đức, nhưng ít người biết số lượng công đức đó như thế nào, chính trong Kinh TẠO TƯỢNG PHẬT này, Đức Phật dạy rõ điều đó.

Tuy nhiên, phải thành tâm tạo tượng Phật, có đủ tướng tốt trang nghiêm, nếu không được toàn hảo thì ít ra cũng phải có đủ những nét biểu hiện Đại trí, Đại từ, Đại giải thoát, hoặc như trong kinh này dạy: “Phải đủ hai tướng: “Bạch hào và nhục kế, để khi nhìn vào, biết là tượng Phật” để phát khởi lòng kính tin, thì mới có công đức. Trái lại, tạo tượng Phật mà không biểu lộ được tướng gì của Phật và khi nhìn vào cũng không biết đó là tượng Phật, không phát khởi được tín tâm, còn xem thường nữa, thì việc tạo tượng như vậy tất nhiên là không có công đức, lắm lúc còn mang tội nữa là khác.

Vì vậy, để giúp sự hiểu biết đúng đắn sâu sắc về công đức tạo tượng Phật, tôi xin tán thán và hoan hỷ giới thiệu bản dịch kinh “CÔNG ĐỨC TẠO TƯỢNG PHẬT” này của Tỳ kheo Thích Thiện Thông đến quý vị Phật tử.

Chùa Từ Đàm, ngày 5 tháng 5 năm 1993

HT. Thích Thiện Siêu

---o0o---

THAY LỜI TỰA

Tạo hình tượng Phật hoặc hình tượng Bồ Tát, là việc làm có một ý nghĩa cao quý và gây một cái nhơn công đức, phước đức lớn lao! Cho nên hơn 2500 năm, sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn, hàng xuất gia, tại gia đệ tử của Phật, từ Ấn Độ, Trung Hoa, Nhật Bản, các nước Phật giáo trên thế giới cho đến Việt Nam, đã có không biết bao nhiêu người tạo lập hình tượng chư Phật, Bồ Tát để chiêm ngưỡng, lễ lạy, cúng dường.

Trước khi lược nêu công đức, phước đức của sự tạo tượng Phật, chúng ta hãy ngược giòng thời gian, tìm hiểu xuất xứ của việc tạo hình tượng Phật bắt nguồn từ đâu và ai là người đầu tiên phát tâm tạo hình tượng Phật.

Một sự tình cờ đưa đến cho chúng tôi là: Năm 1992 trong mùa an cư, sau khi dịch xong kinh CHƯ ĐỨC PHƯỚC ĐIỀN và kinh TỐI VÔ TỶ (kinh nói về công đức Quy y Tam Bảo), chúng tôi đọc đến kinh ĐẠI THỪA CÔNG ĐỨC TẠO TƯỢNG PHẬT, là bộ kinh gồm hai quyển, mang số 694 trong Hán tạng Đại Chánh Tân Tu. Xem xong bộ kinh, chúng tôi vô cùng mừng rỡ, vì nhận ra những điều mới lạ mà từ trước đến nay, trong các bản kinh

Phật giáo Việt dịch, tôi chưa từng gặp bản nào dịch về kinh này. Nhưng có thể nói trong quyển “Tam Bảo Cảm Ứng”, ngài Thích Thiên Tâm có dịch một vài tiểu tiết, liên quan đến việc tạo tượng Phật của vua ƯU ĐIÊN (kinh này dịch là vua Ưu Đà Diên).

Căn cứ vào kinh ĐẠI THỪA CÔNG ĐỨC TẠO TƯỢNG PHẬT đây thì, khi Phật còn tại thế, vua Ưu Đà Diên, trị vì nước Câu Diêm Di, là người đầu tiên đã dùng gỗ thom Chiên đàn đỏ, tạo ra hình tượng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Vậy nguyên do nào vua Ưu Đà Diên tạo hình tượng Phật? Động cơ thúc đẩy vua Ưu Đà Diên tạo hình tượng Phật là bởi nguyên do như vậy:

Sau thời gian gần 49 năm thuyết pháp độ sanh, trong một mùa an cư 90 ngày (có lẽ là mùa an cư cuối cùng), Đức Phật vắng bóng ở trần gian, Ngài lên cung trời Đao Lợi nói kinh, giáo hóa chư Thiên và độ thân mẫu là Ma Gia phu nhơn được chứng thánh quả, thì vua Ưu Đà Diên không tìm thấy Đức Phật nơi đâu, lòng khát ngưỡng nhớ mong cực độ, đến nỗi vua này bị cảm âu sầu nhiều ngày, xao lãng cả việc triều chính và không màng đến thú vui vương giả. Vua không biết cách nào gặp Đức Phật cho đỡ nhớ mong, bèn nghĩ đến cách tạo tượng Phật.

Vua triệu tập các tay thợ điêu khắc nổi tiếng trong nước để tạo tượng Phật, nhưng ai cũng từ chối không dám nhận lời, vì họ nghĩ rằng: Sắc thân của Phật tướng tốt tuyệt vời, e rằng tượng Phật tạo ra nếu có sai lầm, sẽ làm cho họ đắc tội và lui mất thanh danh. Khi đó có vị thần Tỳ Thủ Yết Ma, tương truyền là vị thần điêu khắc, đã biến thân ra làm người thợ mộc, ông mang dụng cụ đến nhận trách nhiệm tạo hình tượng Phật để giúp nhà vua. Thần Tỳ Thủ Yết Ma trở hết tài năng, chỉ trong một ngày là xong tượng Phật, cao bảy thước mộc, tượng màu vàng tía, đủ các tướng tốt, khiến người nhìn đến biết là tượng Phật.

Vua Ưu Đà Diên tạo tượng Phật xong, tiếng vang lan truyền các nước lân cận, vua các nước lớn như vua Ba Tư Nặc, vua A Xà Thế và vua Nghiêm Xí, đều đem lễ vật đến cúng dường chiêm ngưỡng và đều khen việc làm của vua Ưu Đà Diên.

Thời gian ba tháng chám dứt, Đức Phật trở xuống cõi Diêm Phù Đề, vô lượng chư Thiên trong sáu cõi trời Dục giới, 18 cõi trời Sắc giới, đồng dâng lễ cúng dường Đức Phật và tiễn đưa Ngài trở lại trần gian. Hàng đệ tử xuất gia, tại gia ít nhất là bốn nước, gồm đủ mọi thành phần, đã tụ hội về

thành Tăng Già Thi cung đón Đức Phật. Một quang cảnh vô cùng vĩ đại vô tiền khoáng hậu đã diễn ra lúc đó, ấy là cuộc hội kiến Thần tiên giữa Trời và người, chưa từng có trong nhân loại. Tất cả những ai thành tâm mang những lễ phẩm cúng dường Đức Phật, đều thành tựu phước đức và thành tựu cái nhân đắc độ hiện tiền và đời sau, nhiều phái ngoại đạo hơn đó mà bỏ tà về chánh, quy y Tam Bảo. Như thế, Đức Phật đã hoàn thành bản nguyện độ sanh của Ngài, khi xuất hiện trên cõi đời này. Cho nên trong kinh DI GIÁO có chỗ ghi rằng: “Những người đáng độ ta đã độ xong, những người chưa được độ, ta cũng đã gây nhân duyên cho họ được độ sau này...”

Đây rõ ràng là lòng từ bi vô tận, cứu độ chúng sanh của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Đức Thế Tôn của chúng ta.

Để các chúng sanh đời sau hiểu rõ phước đức, công đức tạo tượng Phật, Ngài Di Lặc Bồ Tát đã thay mặt tất cả phàm Thánh, thưa hỏi Phật về công đức tạo tượng của vua Ưu Đà Diên, Đức Phật tuần tự nói về phước báo và công đức thù thắng của người có tâm thành tín thanh tịnh tạo ra tượng Phật. Kinh này ghi rõ những phước báo về công đức chẳng thể nghĩ bàn ấy. Dưới đây chúng tôi xin trích dẫn một vài đoạn để chư vị có một khái niệm sơ qua:

“Di Lặc! Nếu có người nào dùng những tơ sợi thêu thùa tượng Phật, hoặc là nấu đúc bằng thứ vàng, bạc, đồng, sắt, chì, kẽm, hoặc điêu khắc bằng gỗ thom Chiên đàn, hoặc khắc bằng thứ trân châu, sò ốc, gấm vóc dệt thành, đất đỏ, xi măng, thạch cao, đất sét, hoặc các thứ gỗ... Dùng những vật đó tùy phần sức mình tạo ra tượng Phật, cho đến rất nhỏ như ngón tay cái, có thể khiến cho người khác nhìn biết đó là tượng Phật, phước báo người đó nay ta sẽ nói:

“Di Lặc! Những người như vậy ở trong sanh tử, tuy còn trôi lặn, trọn chẳng sanh tại gia đình nghèo cùng, cũng chẳng sanh nhà giòng dõi thấp hèn, cô đơn héo lánh ở ven cõi nước, lại cũng chẳng sanh vào nhà tà kiến, con buôn con bán, nhà làm hàng thịt, cho đến chẳng sanh vào giòng hèn hạ, kỹ nữ bất tịnh, hoặc nhà ngoại đạo khổ hạnh tà kiến, trừ khi vì sức thế nguyện Từ Bi, ngoài ra chẳng sanh vào những nhà ấy.

“Người này thường sanh vào nhà thuộc giòng tộc vua Thánh Chuyển Luân có thế lực lớn, hoặc sanh giòng Bà La Môn tịnh hạnh, hoặc nhà giàu sang không tạo tội nặng. Sanh ở nơi nào cũng thường gặp Phật vâng thờ cúng dường, hoặc được làm vua thọ trì chánh pháp, đem pháp giáo hóa không trái đạo, hoặc làm vua Thánh Chuyển Luân oai hùng. Sanh ra nơi

nào cũng là đàn ông, không chịu thân nữ. Lại chẳng chịu thân Huỳnh môn hai hình là thứ hèn hạ, thân được thọ sanh không bị xấu xí. Mắt chẳng mù chột, tai chẳng điếc lác, mũi chẳng cong gãy, miệng chẳng méo lệch, môi chẳng trề xuống cũng chẳng túm rút, răng chẳng thừa thiếu, chẳng đen, chẳng vàng, lưỡi chẳng ngắn thụt, cổ chẳng bườu nhọt, thân chẳng lưng gù, da chẳng loang lổ, tay chẳng cụt ngón, chân chẳng lệch què, chẳng quá ốm o, chẳng quá béo mập, cũng chẳng quá dài, cũng chẳng quá ngắn, đều không có các tướng chẳng đáng ưa...”.

Trên đây là một ít điều trích dẫn về phước báo dòng dõi thân tướng của người tạo tượng Phật. Ngoài những phước báo trên, còn có những quả báo khác là: trừ diệt các thứ nghiệp chướng như: Năm tội đại nghịch, mười nghiệp chẳng lành, bốn tội phạm nặng v.v... nói chung là những nghiệp ác nặng nề nhất mà một con người có thể lãnh nhận, nhưng nếu phát tâm thành tín tạo tượng và sám hối, thì không tái phạm, thì những nghiệp ác, những quả báo ấy đều bị tiêu diệt.

Tại sao công đức tạo tượng to lớn như vậy?

Bởi vì các Đức Như Lai, từ khi phát tâm tu hành cho đến thành Phật, đã trải qua vô biên A tăng kỳ kiếp, chứa nhóm vô lượng phước đức, thành tựu vô biên công đức, trí tuệ, các Ngài thường dùng các thứ công đức ấy hộ trì cho các chúng sanh có đức tin thanh tịnh, do vậy mà sự tạo tượng Phật có thể trừ diệt các thứ nghiệp ác sâu nặng.

Và lại, tâm lực của mỗi chúng sanh, hay của mỗi người chúng ta vốn chẳng thể nghĩ bàn, vốn sẵn đủ hàng sa công đức, diệu dụng. Nếu chúng ta thường tư duy về những công đức của Phật, thường quán xét các Đức Như Lai có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, có 10 lực, bốn món Vô úy, sáu Ba la mật, đại từ, đại Bi và đại Trí tuệ. Chính khi tư duy về những công đức của chư Phật, tức là phát động cái nhân công đức chẳng thể nghĩ bàn của chính chúng ta. Do năng lực huân tập này mà những nghiệp ác cực nặng và những quả báo xấu có thể chuyển đổi. Ta quán sát tướng hảo nơi sắc thân ta. Hạt giống đã có thì quả sẽ phát sanh và khi quả phát sanh là ta sẽ có các tướng hảo. Đạo lý này vốn chơn thật và không sai lạc bao giờ.

Nói tóm lại, nhờ tư duy công đức chư Phật bên ngoài, cho nên thành tựu công đức của Phật tâm bên trong tâm chúng ta. Nhờ tư duy công đức của Phật bên trong tâm chúng ta, cho nên thành tựu các phước báo thuộc sắc thân và hoàn cảnh bên ngoài. Đây là một đạo lý vi diệu, được gọi là Đại

thừa, sự tạo tượng Phật này nằm trong đạo lý vi diệu đó, cho đến bộ kinh nói về việc tạo tượng đây, được gọi là KINH ĐẠI THỪA CÔNG ĐỨC TẠO TƯỢNG PHẬT.

Kinh này gồm hai quyển, được trình bày bằng một lối văn sắc sảo trác việt. Nội dung của kinh, ngoài việc nói về công đức phước đức do tạo tượng mà thành, kinh cũng dạy rõ những phương tiện siêu thắng khéo lạ của Đức Phật, vì giáo hóa chúng sanh, Ngài thị hiện có các chướng nạn v.v... Điều này trong giới Phật tử chúng ta, trừ những bậc cao minh, ngoài ra ít ai biết đến.

Kinh cũng dạy rõ những nguyên nhân nào làm cho chúng sanh phải chịu thân nữ, huỳnh môn, hai hình, sanh thời không có Phật pháp, hoặc sanh vào những nơi hoang dã, biên cương v.v... Thật là những điều chúng ta khó gặp, khó hiểu.

Nhân thấy bộ kinh có một giá trị và lớn lao như vậy chúng tôi gắng công dịch ra Việt ngữ để công hiến cho thời đại hiện nay và đóng góp phần nhỏ mọn trong chủ trương Việt dịch Tam Tạng Thánh điển của Phật giáo Việt Nam.

Lại vì, một bộ kinh có giá trị về mặt văn chương tư tưởng, còn bao gồm nhiều từ ngữ thuật ngữ phong phú về Hán tự, có thể giúp ích cho những vị đang học Hán văn hiện nay, chúng tôi trình bày cả phần Hán tự và phần âm Việt ngữ, để tiện lợi cho sự đọc tụng của những vị ưa thích.

Mặc dầu cố gắng nhiều, nhưng việc làm và sự suy luận của chúng tôi vẫn là nông cạn và nhiều sai sót, nhưng hiểu được thế nào, chúng tôi ghi lại thế ấy, rất mong những bậc cao minh chỉ giáo cho.

Người dịch kính ghi,

Mùa Vu Lan năm Quý Dậu 1993

Tỳ kheo Thích Thiện Thông.

---o0o---

KINH ĐẠI THỪA CÔNG ĐỨC TẠO TƯỢNG PHẬT

QUYỂN THƯỢNG

Triều Vua ĐẠI ĐUỜNG: Nước VU ĐIÊN

Tam Tạng Sa Môn: ĐỀ VẤN BÁT NHÃ vâng chiếu dịch.

Việt Nam. Tỳ kheo THÍCH THIÊN THÔNG dịch ra Việt văn.

Tôi nghe như vậy: Một thời Đức Phật ở tại cõi trời Đao Lợi, dưới cây Ba Lợi Chất Đa La¹, cùng với vô lượng đại Tỳ kheo chúng, vô lượng vị đại Bồ Tát câu hội, Ngài Đại Bồ Tát Di Lặc là bực đứng đầu.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở trên trời ấy an cư ba tháng thuyết pháp cho mẹ, nhiều sự lợi ích đối với chư Thiên, vô lượng chư Thiên lìa khổ, giải thoát. Vô lượng chư Thiên thâm nhuần giáo pháp, được quả phước lớn. Khi đó, trong số chư Thiên, có một Thiên tử thọ số sắp hết, năm tướng suy hiện². Nhờ sức nghe pháp, sau khi mệnh chung, sanh lại cõi trời này, lìa hẳn nẻo ác.

Lúc ấy, trong Diêm Phù Đề không có Đức Phật. Ví như đêm tối, đầy những vì sao nhưng không mặt trăng, như nước không vua, như nhà không chủ, thì những cuộc vui, những trò giải trí đình chỉ tất cả. Khi đó chúng sanh dường như cõi cút không chỗ nương tựa. Đối với Đức Phật, tấm lòng mọi người mang nỗi luyến mộ sanh rất buồn rầu như mất cha mẹ, như tên bắn vào tim, cùng nhau đến chỗ Đức Phật từng ở chỉ thấy vườn rừng, sân hiên vắng ngắt, đâu cũng trống trải không có Đức Phật, mọi người càng thêm buồn nhớ không nguôi.

Bấy giờ, vua Ưu Đà Diên đang ở trong cung thường mang nỗi buồn, luôn luôn xúc cảm, khát ngưỡng Đức Phật, vua chẳng màng đến chánh cung, thế nữ và các cuộc vui, vua nghĩ như vậy: “Nay ta lo buồn không lâu sẽ chết!

Làm sao cho ta lúc chưa bỏ mạng, được thấy Đức Phật?”. Rồi vua lại nghĩ: “Ví như người nào lòng thương yêu ai nhưng không được gặp, nếu thấy chỗ nơi người ấy đã ở, hoặc thấy kẻ nào giống hệt người ấy, may ra trừ bớt những nỗi u buồn”. Vua nghĩ ngợi thêm: “Nay ta nếu đến nơi Phật đã ở trước đây³ mà không thấy Phật, chắc ta thương khóc, cảm xúc đến độ có thể chết mất! Ta xem trong đời không có người nào mà về sắc tướng, phước đức trí tuệ có thể ngang bằng với Đức Như Lai, làm sao cho ta gặp người như thế để ta bớt sầu?”

Khởi niệm ấy rồi, vua lại ngẫm nghĩ: “Nay ta hãy nên tạo hình tượng Phật, lễ lạy cúng dường”. Nhưng vua lại xét: “Nếu ta tạo tượng mà không giống Phật, e khiến cho ta mắc vô lượng tội”. Rồi vua nghĩ thêm: “Giả sử những người thông minh trong đời⁴ đều cùng đề cao công đức của Phật vẫn chẳng thể hết. Nếu một người nào tùy phần khen ngợi, người ấy vẫn được phước đức vô lượng. Nay ta cũng vậy, nên tùy phần mình mà tạo ra tượng.”

Nhà vua lập tức truyền lệnh cho những người thợ khéo trong nước đều phải nhóm lại. Mọi người nhóm rồi, vua bảo họ rằng:

- Người nào có thể vì ta mà tạo hình tượng Đức Phật, ta sẽ đem những châu báu trả công và thưởng người ấy.

Những tay thợ giỏi cùng tâu vua rằng:

- Nay vua ra lệnh, thật là việc khó. Tướng tốt nhiệm mầu của Đức Như Lai, trên thế gian này không ai sánh nổi. Nay đây chúng tôi làm sao có thể tạo hình tượng Phật? Giả sử Thiên thần Tỳ Thủ Yết Ma⁵ mà có tạo tượng, cũng chẳng thể nào giống Đức Như Lai. Nếu như chúng tôi nhận lời đức vua tạo hình tượng Phật, may ra có thể mô phỏng ít phần về tướng xoắn tóc và bạch hào, ngoài ra những tướng tốt đẹp sáng rõ, đầy vẻ oai đức, người nào có thể tạo nổi? Đức Phật rồi đây, sẽ từ cõi trời trở xuống nhân gian, hình tượng tạo ra nếu có sai lầm, tiếng tăm chúng tôi sẽ bị lui mất, chúng tôi trộm nghĩ không thể dám làm.

Vua Ưu Đà Diên khi đó nói lại:

- Tâm ta đã quyết, chớ có chối từ! Như kẻ sợ khát muốn uống nước sống, há vì uống chẳng thể hết, rồi không uống nước hay sao?

Những người thợ khéo nghe vua nói vậy, đều quỳ trước mặt, bạch lên vua rằng:

- Xin y theo lệnh, nhưng thỉnh đức vua cho phép chúng tôi nghỉ ngơi đêm nay, sáng mai đến làm.

Họ lại bạch thêm:

- Nay vua tạo tượng, nên dùng thuần gỗ Chiên đàn⁶, sớ thật nó mịn, thể chất rất bền, còn hình tượng Phật là ngòi hay đứng, cao thấp thế nào?

Vua đem lời ấy hỏi lại các quan. Có một vị quan thông thạo hiểu biết, ra bạch vua rằng:

- Vua nên tạo tượng Đức Như Lai ngồi. Tại sao vậy? Bởi vì, tất cả chư Phật chứng đại Bồ Đề, chuyển bánh xe Pháp, hiện thân thông lớn, hàng phục ngoại đạo, làm Phật sự lớn... Tất cả đều ngồi. Do đó nên làm hình tượng Đức Phật ngồi kiết già phu⁷ trên tòa sư tử.

Ngay trong khi đó, vị trời Tỳ Thủ Yết Ma, từ xa nhìn thấy việc này, xét biết ý vua muốn tạo tượng Phật liền trong đêm ấy suy nghĩ như vậy:

“Chỗ hiểu của thân ta rất là khéo lạ, trong cả thế gian không ai như ta, nếu ta vì vua tạo tượng, chắc hơi giống Phật⁸.” Liền biến thân mình thành người thợ mộc cầm dụng cụ bén. Trời vừa hừng sáng, người đến đứng cạnh cửa cung nhà vua, bảo người giữ cửa bạch rõ vua rằng: “Nay tôi muốn vì vua mà tạo tượng, nghề khéo của tôi không ai sánh bằng, cúi xin nhà vua chớ sai người khác.”

Vua nghe lời ấy lòng rất vui mừng, ra lệnh mời vào, vua xem dạng cử chỉ, biết là thợ giỏi, bèn nghĩ thầm rằng: “Thế gian làm sao mà có người này? Phải chăng Thiên thần Tỳ Thủ Yết Ma hay đệ tử Ngài đến nơi đây chăng?” Liền đó nhà vua bèn cởi chuỗi ngọc đang đeo trên mình, tự tay cầm chuỗi, choàng lên cổ thần Tỳ Thủ Yết Ma, vua còn hứa đem các món châu báu tưởng thưởng công lao.

Lập tức nhà vua cùng quan giữ kho, đi vào trong kho soạn lựa gỗ thom, vai tự khiêng vác⁹, đem giao thợ trời và bảo thợ rằng:

- Lành thay, thưa Ngài! Hãy dùng gỗ này, vì tôi tạo tượng, sao cho giống với hình tượng Đức Phật.

Khi ấy, thợ trời liền thưa với vua:

- Nghề khéo của tôi tuy rằng đệ nhất. Nhưng về việc tạo hình tượng Đức Phật, trọn chẳng thể hết.

Ví như có người, lấy than mà vẽ mặt trời, nói rằng vẽ giống thì thật phi lý. Dầu lấy vàng ròng để tạo tượng Phật, lại cũng như thế.

Có những ngoại đạo thường tuyên bố rằng: “Phạm Vương có thể sáng tạo thế gian¹⁰,” nhưng cũng chẳng thể tạo hết tướng tốt nơi hình Đức Phật. Chỉ nghề của tôi trên hết trong đời, bởi vậy nay tôi vì vua mà làm. Sáng nay

là ngày mừng tám trong tháng, đang lúc có sao Phất Sa và sao Tỳ Ha Đề xuất hiện. Khi Phật mới sanh, cũng có hiện ra điềm cảm ứng này. Hôm nay tốt lành, hãy nên khởi công.”

Thần Tỳ Thủ Yết Ma phát lời đó rồi, cầm búa đẽo gỗ, tiếng đẽo suốt lên đến trời Đao Lợi tới chỗ Đức Phật. Do thần lực Phật, tiếng vang đến đâu, những chúng sanh nào được nghe tiếng đục, tội cấu, phiền não đều được tiêu trừ.

Bấy giờ, Đức Như Lai bèn mỉm miệng cười nhiều cách khen ngợi công đức của vua, cho đến ở xa thọ ký cho vua Thánh Đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc ấy, Thiên chủ cõi trời Đao Lợi bạch Đức Phật rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn! Nay tại thế gian, và có người nào, từng ở kiếp xưa tạo tượng Phật chăng?

Đức Phật bảo Ngài Thiên chủ Đê Thích:

- Những ai đã từng tạo tượng Đức Phật, đều thuộc quá khứ, trước đây đã được giải thoát cả rồi. Tại thiên chúng đây còn không có ai (bị ở sót lại), huống gì nơi khác. Chỉ người con của ông Tỳ Sa Môn ở về phương Bắc, tên là Na Lý Sa Bà, thuở xưa có lần tạo tượng Bồ Tát do phước này nên sau được làm vua, tên là Tần Bà Sa La. Lại do gặp ta, nay được sanh Thiên có thế lực lớn, là hấn ác đạo.

Tỳ kheo Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp, Già Da Ca Diếp, Na Đề Ca Diếp¹¹ <http://www.quangduc.com/kinhdien-2/423kinhcongductaotuong.html> - [ftn11](#) cả ba vị này kiếp xưa từng sửa nhà cũ của Phật, do nhân duyên đó vĩnh viễn giải thoát. Ông Kiều Phạm Ba Đề xưa là thân trâu, nhơn tìm cỏ nước đi quanh Tịnh xá, ăn cỏ trong những bụi tre, do thấy tôn dung của Phật phát tâm vui mừng, nhờ phước đó mà nay được giải thoát. Ông Thi Tỳ La từng cầm lọng báu cúng dường tượng Phật. Ông Nậu Lô Đà thắp một ngọn đèn cũng đề cúng dường. Ông Du Bệ Ma từng quét nhà Phật. Ông A Bà Ma Na ở trước tượng Phật thắp đèn giúp sáng, Tỳ kheo Nan Đà mến trọng tôn nghi, nên dùng nước thơm gội rửa v.v... có vô lượng vị La Hán như vậy, tất cả đều từng ở chỗ tượng Phật dâng lễ vật mọn cúng dường. Cho đến thấp nhất như ông Na Già Ba La, ở trước tòa tượng, dùng chùng chút ít son vàng vẽ thân một tượng để vì cúng dường... Do phước này nên đều lìa hẳn khổ và được giải thoát.

Đức Phật bảo tiếp:

- Nay Thiên Đế Thích! Nếu có người nào, có thể ở thời giáo pháp của ta chưa diệt trở lại¹², mà tạo tượng Phật, sẽ ở nơi hội đầu tiên của Phật Di Lặc, đều được giải thoát.

Nếu chúng sanh nào, chẳng phải vì tự thân của mình, để cầu xuất ly vì muốn chứng quả Vô thượng Bồ Đề mà tạo tượng Phật, nên biết đó là cái nhân chính của ba mươi hai tướng, có thể làm cho kẻ ấy nhanh chóng thành Phật. Bấy giờ, vua Ưu Đà Diên, tự tâm suy nghĩ: “Làm sao khiến cho pho tượng ta tạo mau được hoàn thành.” Nghĩ như thế rồi nói với thợ trời:

- Ngài khá gắng lòng giúp cho công việc mau được hoàn tất, cho tôi sớm được chiêm ngưỡng, lễ lạy.

Lúc đó, vị trời Tỳ Thủ Yết Ma trở hết tài khéo, chuyên rông chẳng trễ, không đầy một ngày mà tạo thành tượng! Tượng ngồi kiết già, cao bảy thước một, mặt và tay chân đều màu vàng tía.

Vua Ưu Đà Diên thấy tượng được thành, tướng tốt trang nghiêm, tâm vua phát sanh đức tin thanh tịnh chứng Nhu thuận nhẫn¹³. Chứng được nhẫn rồi vua càng mừng rỡ, bao nhiêu nghiệp chướng và những lo buồn đều tiêu tan hết như mặt trời mọc sa mù đều hết, chỉ trừ một nghiệp mà hiện thân chịu¹⁴, là bởi đã từng đối với Thánh như khởi lời nói ác. Nhà vua khi ấy đem toàn những món ngọc quý, vật lạ ban thưởng thợ trời nhưng vị thợ trời thưa với nhà vua:

- Nay vua tạo tượng lòng tôi tùy hỷ, nguyện cùng nhà vua đồng tu phước này. Nay vua ban cho, tôi không dám nhận. Nếu cần cho nhau, xin hãy đợi đến một ngày lành khác. Vị thần nói xong liền trong đêm ấy trở lên cõi trời.

Ngay khi sau đó, các vua nước lớn, như vua A Xà Thế v.v¹⁵... Trước đó các vua đối với Đức Phật, đều mang một niềm khao khát ngưỡng mộ, nghe vua Ưu Đà Diên tạo tượng công phu đã thành, họ đều mừng rỡ, cùng nhau đến chỗ vua Ưu Đà Diên, vua nào cũng đem rất nhiều hoa, hương, âm nhạc cúng dường tượng Phật, lại đem các món ngọc quý trao tặng vua Ưu Đà Diên. Các vua đều nói: “Việc làm của Ngài thật là hiếm có, hay nhờ được mũi tên độc buồn rầu cho cả chúng tôi.”

Đang trong khi ấy trên trời Đạo Lợi, Đức Như Lai đã vì mẹ của Ngài diễn nói kinh pháp¹⁶, và hàng chư Thiên đều được lợi mừng. Những việc đáng làm Phật đã làm xong. Đức Phật lại bảo các Thiên chúng rằng:

- Hỡi các Thiên tử! Chư Phật Thế Tôn là thân Thường trụ. Nếu các chúng sanh, người nào đáng độ, chư Phật liền vì hiện ra giáo hóa, nói pháp cho nghe. Nếu những làm đã xong xuôi rồi, không còn người nào có thể thọ pháp giáo hóa, Như Lai khi đó liền chẳng hiện nữa. Kẻ không trí tuệ cho rằng Đức Phật diệt độ thật sự. Thân chư Như Lai chính là pháp thân, là thân thường hằng, thật chẳng diệt độ.

- Nay chư Thiên tử! Pháp của chư Phật đều như vậy cả, vì giáo hóa chúng sanh mà có xuất hiện, hoặc không xuất hiện.

Kể đó Đức Phật lại dạy, nói tiếp:

- Các người nên biết! Hàng chư Thiên đây, những người đáng độ ta đã độ rồi. Nay ta sắp xuống cõi Diêm Phù Đề, chư Thiên các người nếu nghĩ đến ta hãy siêng tinh tấn, chớ có buông lung.

Vì sao thế? – Cũng vì tội lỗi của sự buông lung, làm cho các người chẳng được Thánh đạo Vô thượng Bồ đề. Song bởi các người về thuở xa xưa từng trông căn lành, nay được ở đây hưởng lạc phú Trừ¹⁷, để rồi buông lung, say đắm thú vui, chẳng tu phước hạnh. Những khoái lạc này theo sự vô thường, một phen rơi rụng, là trôi nổi mãi trong con đường ác.

- Lại nữa chư Thiên! Các người phiền não rất nặng¹⁸, thấy ai hơn mình bèn sanh ganh tỵ, chẳng từng nghĩ rằng: Trời nào vui hơn là do tạo nhiều phước nghiệp chiêu cảm, nếu ta siêng tu thì cũng sẽ được. Nay đây các người thân sắc sáng nhuận, như mặt trời mọc vào buổi bình minh, nếu hay ôm lòng ganh ghét đố kỵ, thì sẽ đen tối như tro than tàn, còn sẽ phải đọa vào ngục tối thăm, đến đổi chẳng thể tự thấy bàn tay, sau còn phải làm quỷ ăn đồ nữa!

- Lại nữa chư Thiên! Hưởng những phước báo được thân nghiêm sạch, oai thế dũng mãnh, do ganh tỵ nên chịu thân nữ, mất hẳn sức lực oai hùng dũng mãnh của bậc trượng phu.

- Hỡi các Thiên tử! Ta nhớ thuở xưa có vô lượng vua, vì lòng ganh tỵ của chính các người, mà phải bị hại một cách phi lý.

Này các Thiên tử! Xưa có vua A Tu La¹⁹ tên là Ô La, tu hành khổ hạnh, giới phẩm trong sạch, chư Thiên các người sai một Thiên nữ tên Ô Bà Thi mê hoặc tâm vua, khiến mất phẩm hạnh. Vua ấy đả miễn, cho nên oai đức tổn giảm, bị trời Na La Diên giết hại, và cả vô lượng chúng A Tu La cùng lúc bại diệt. Trời Na La Diên giết vua này rồi, lại tru diệt luôn binh chúng Tu La, thâm hồi Thiên nữ Ô Bà Thi trở về Thiên cung.

- Lại có một vua tên Na Ha Thọ, chư Thiên các người dùng lời gạt gẫm, giúp các Thiên chúng đánh A Tu La, phá A Tu La rồi chư Thiên các người trở hại ông ta!

- Lại nữa chư Thiên! Các người vì có Xá Chỉ phu nhơn²⁰ sanh tâm ghen ghét, Xá Chỉ xúi giục vua gây hấn, khiến cho Tiên nhơn tên A Già Bà vô có bị ngờ mà nổi lời nguyên độc địa.

- Lại nữa chư Thiên các người từng làm dối gạt, bảo vua Ế Trà rằng: “Chỗ của người Tiên có nhiều vàng ròng,” vua tin lời này ép Tiên đưa ra, người Tiên do đây lòng sanh căm giận, liền đổ lửa mạnh đốt cháy vua Tiên.

- Xưa lại có vua tên là Đề Bà, thường bày đại hội để được cúng dường, do phước nghiệp này oai lực tự tại, bèn lên trời đây hưởng lạc thú trời, chư Thiên các người ôm lòng ganh tỵ, khiến cho Đề Bà từ trời Đạo Lợi rớt xuống trần gian, bao nhiêu oai thế thủy đều tan nát, như trăng hết sáng, như sông cạn nước.

- Này các Thiên tử! Trong đời lắm người oai đức tự tại. Hoặc được thần thông, có người thành tựu bốn sức Thần túc²¹... nếu khởi lên một niệm tâm ganh tỵ, công đức như thế lui mất một lúc, như Đề Bà Đạt Đa chẳng hạn, si mê dày đặc mới đối với ta mà sanh lòng ganh, lập tức mất năm thứ thần thông.

Lúc ấy, Thiên Đế bạch lên Đức Phật:

- Kính bạch Đức Thế Tôn! Nay con có nghi muốn được thưa hỏi: Về sự ganh tỵ là như thế nào?

Thiên Đế hỏi tiếp:

- Kính bạch Đức Thế Tôn! Nếu có chúng sanh thấy người hơn mình bèn nghĩ như vậy: “Làm sao cho ta thu hoạch những gì người kia đã được,” tâm ấy có phải là ganh tỵ chăng?

Phật đáp:

- Không phải! Đó là tâm tham, không phải ganh tỵ²².

- Nay Thiên Đế Thích! Ganh tỵ nghĩa là tự cầu danh lợi chẳng muốn người có, cái người khác có mà sanh ghét giận, ấy là ganh tỵ.

Bấy giờ, các hàng Thiên chúng, đều từ chỗ ngồi đứng dậy, gồi mặt chằm đất, chấp tay hướng Phật và bạch lời rằng:

- Như lời Phật dạy, chư Thiên chúng con đều sẽ vâng làm. Lạy Đức Như Lai tôn kính của đời, là Cha, là Chúa, là đáng tối tôn, là đáng Tối thắng. Đối với chúng con, khởi đại Từ Bi mà đến nơi đây khiến các Thiên chúng đều được lợi ích. Sở nguyện chúng con vẫn chưa được mãn, muốn một lần nữa thỉnh Phật một điều:

- Kính bạch Đức Thế Tôn! Người dưới thế gian đối với chư Thiên chúng con, họ hay khinh lờn. Vì sao! Bởi các Đức Phật sanh trong loài người²³, và ở cõi người thành bậc Chánh giác. Giữa loài người có những A La Hán đã được chứng quả. Các vị Độc Giác có oai đức lớn, lại cũng xuất hiện giữa lòng nhân loại.

Nay Đức Như Lai nếu chẳng ở đây đi xuống cõi Diêm Phù Đề, thì người thế gian đều sẽ cho rằng: Chư Thiên chúng con chẳng biết Như Lai có oai đức lớn, đáng nhận chư Thiên đứng pháp cúng dường, và còn cho rằng: “Chúng con chẳng hay cúng dường các đức Như Lai tôn quý của đời. Mong Đức Như Lai nán lại một chút, nhận phần cúng dường nhỏ mọn của chúng con, để người thế gian biết hàng chư Thiên cúng dường Đức Phật.”

Khi ấy Đức Phật im lặng nhận lời.

Bấy giờ, Phật bảo tôn giả Đại Mục Kiền Liên:

- Người khá về trước dưới Diêm Phù Đề, thăm hỏi bốn chúng, nói lời như sau: “Tất cả những ai nhớ nghĩ đến ta, đều nên nhóm hội tại nước Tăng Già Thi, trong bảy ngày nữa sẽ được thấy ta.”

Ngài Mục Kiền Liên lạy dưới chân Phật, lạy chân Phật rồi, trong khoảng chớp mắt đã đến cõi Diêm Phù Đề²⁴, đem lời Phật dạy nói với bốn chúng. Vua Ưu Đà Diên cùng cả mọi người nghe Phật báo tin, thân tâm người nào cũng mừng khắp khởi, đều trừ nỗi buồn, đều được thoải mái.

Lúc ấy bốn chúng, các vị Tỳ kheo và Tỳ kheo Ni, các Cận sự nam và Cận sự nữ, muốn cùng qua đến nước Tăng Già Thi, trước hết họ nhóm tại thành Vương xá²⁵, bàn với nhau rằng:

- Đức Phật Như Lai tôn trọng của đời, sắp sửa trở xuống cõi Diêm Phù Đề, người nào có thể cung kính lễ lạy Đức Phật trước nhất, người ấy sẽ làm thượng thủ, trong khoảng thời gian pháp chưa diệt tận.

Tôn giả Ma Ha Ca Chiên Diên nghe lời đó rồi trong lòng chẳng vui, e cho bên Ni được làm thượng thủ. Vì sao thế? Trong toàn Ni chúng có Ưu Ba Ban Đà và Liên Hoa Sắc. Hai Tỳ kheo Ni này có thể thông suốt Tạng pháp chư Phật, thần thông chứng được, chỉ trừ Tôn giả Đại Mục Kiền Liên ngoài ra không ai bằng hai bà. Nghĩ như thế rồi, ngài Ca Chiên Diên đủ cách quở rầy chúng Tỳ kheo Ni.

Lúc đó, Tỳ kheo Liên Hoa Sắc, bảo Ni chúng rằng:

- Người nữ chúng ta ở giữa thế tục thường được tôn quý, dầu cho dòng dõi có hèn chẳng nữa, vẫn được đàn ông cung kính nể vì, cung phụng đủ thứ. Và lại chư Ni trong pháp của Phật, cha mẹ quyền thuộc, phần nhiều thuộc về dòng dõi vua quan. Ni giới chúng ta tinh tấn, trì giới, chẳng phạm oai nghi, đủ các đức nghiệp, vậy mà vẫn phải lễ kính Tỳ kheo mới thọ đại giới. Tôn giả Ca Chiên Diên nay lại nhiều điều quở trách thế này... Ta vì chư Ni bày các phương tiện, khiến Tỳ kheo Ni xuất sắc hơn Ngài. Nói như thế rồi cùng với bốn chúng²⁶, đồng đến dự nơi thành Tăng Già Thi.

Bấy giờ, vua Ba Tư Nặc, vua A Xà Thế và vua Nghiêm Xí nước Tỳ Xá Ly... Mỗi vua đều dẫn bốn đội binh hùng²⁷ hộ tống theo vua, có thể lực lớn. Voi ngựa được cỡi đều dùng các thứ vật quý tô điểm. Cờ xí, phan lọng, hương hoa, kỹ nhạc, oai dung nghiêm nghị, tướng trạng dường như các vị Thiên thần, họ đều qua đến thành Tăng Già Thi.

Vua Ưu Đà Diên lúc đó nghiêm chỉnh, đội ngũ bốn binh làm kẻ thị tùng. Vua cỡi voi trắng, có châu ngọc thêu thùa, đích thân vua chở tượng Phật đã tạo. Rải hoa, cầm phướng, nhạc công thổi nhạc đi theo cúng dường, từ nước của vua hướng về thành Tăng Già Thi.

Khi ấy, Thiên thần Tỳ Thủ Yết Ma, cùng chư Thiên chúng, biết Phật sắp sửa xuống Diêm Phù Đề, bèn tạo ra ba con đường có thêm cấp quý, từ thành Tăng Già Thi đến trời Đao Lợi, thêm cấp đường giữa tạo bằng lưu ly,

thêm đường hai bên đều bằng hoàng kim, chỗ đặt chân xuống lót bằng bạc trắng, xen kẽ với bảy thứ ngọc cõi trời.

Thiên chủ Đế Thích sai các Thiên sứ đến Trời Dạ Ma, trời Đâu Suất Đà, đến trời Hóa Lạc, trời Tha Hóa Tự Tại và trời Phạm Thế²⁸, để báo tin rằng: “Đức Phật sắp xuống cõi Diêm Phù Đề, như muốn cúng dường xin xuống nơi đây.” Lại sai sứ xuống trời Tứ Thiên Vương, Long Vương biển lớn, vua Càn Thát Bà, vua Khẩn Na La, và chúng Dạ Xoa, báo với họ rằng:

“Nay Đức Thế Tôn sắp xuống cõi Diêm Phù Đề, các vị có thể đem những cúng phẩm đến đây cúng dường.”

Lúc đó, các Trời, Rồng, Thần v.v... nghe lời báo rồi, ai cũng vân tập về trời Đạo Lợi.

Bấy giờ, đức Thế Tôn ở tại đỉnh núi Tu Di, cùng với đông đảo chư Thiên các trời²⁹ lúc sắp đi xuống, toàn thể chư Thiên trước sau rợp trời, oai đức lừng lẫy, ánh sáng rạng ngời như ánh trăng tròn ở giữa không gian, muôn sao giăng bủa, như vùng thái dương vừa mới xuất hiện, rực rỡ chói chang. Phật và hội chúng trang thái lúc ấy cũng ví như vậy.

Ngay trong lúc đó, do thần lực Phật cho nên cõi Diêm Phù Đề có năm điều hiếm có:

Một là, khiến chư Thiên kia chẳng thấy những vật không sạch ở chốn nhân gian.

Hai là, khiến cho nữ giới thấy các Thiên nam mà không tưởng đến đắm nhiễm tình dục.

Ba là, khiến những người nam thấy các Thiên nữ chẳng sanh ý nhiễm.

Bốn là, khiến người trần gian từ xa nhìn rõ những món cúng dường của các Thiên chúng.

Năm là, thân của chư Thiên sáng sạch, đẹp đẽ, chẳng bị người đời nhìn thấy, do thần lực Phật, cho nên con người có thể nhìn thấy một cách rõ ràng.

Khi đó Đức Phật từ trên Thiên cung vừa đặt chân xuống thêm sáu đường giữa, thì trời Phạm Vương đứng phía bên phải, tay cầm lông trắng và trời Đế Thích phía bên trái, tay cầm phất trắng. Ngoài ra chư Thiên đều

nương hư không, theo Phật đi xuống, cùng lúc đồng trời đủ thứ âm nhạc. Chư Thiên cầm những tràng phan, bảo cái, rải hoa cúng dường. Các vị Thiên chúng cõi trời Tịnh Cư chập cả hư không, vô lượng trăm ngàn chư Thiên, thế nữ đeo những chuỗi ngọc cùng nhau ca tụng Thánh đức của Phật. Lại có chư Thiên ở giữa hư không, rắc những thứ hương và những hoa thơm. Các vị Long thần tuôn mưa thơm nhẹ. Lúc đó không gian chẳng có mây che, tiếng sám êm dịu làm cho người nghe tâm hồn vui đẹp. Thần Càn Thát Bà, thần Khẩn Na La, hòa tấu khúc nhạc Đề Bà Na Già vô cùng tuyệt diệu, ca ngợi những việc đời trước của Đức Như Lai.

Khi ấy, trong Diêm Phù Đề, vua chúa quan dân và bốn hộ chúng, đầy khắp giáp cả thành Tăng Già Thi, nào rắc hoa thơm, nào cầm phan lọng, thổi ốc, đánh trống, các thứ âm nhạc, hướng lên hư không tỏ lòng cúng dường.

Đưa tay, chắp tay chiêm ngưỡng Đức Phật. Hoa thơm danh tiếng cõi trời, cõi người, trên dưới giao nhau rơi xuống lẳng xăng lên đến đầu gối, đồ chúng ngoại đạo thấy việc trên đây, đều cùng phát tâm quy y lễ kính³⁰.

Khi Đức Thế Tôn chân đạp thêm báu, lần lượt đi xuống vừa được nửa chừng, thì bốn Thiên Vương ở chỗ của mình, sắp bày lễ phẩm cúng dường Đức Phật, sự cúng dường này vô cùng khéo lạ, ngàn xưa đến nay loài người chưa có.

Đức Thế Tôn nhận sự cúng dường của bốn vị Thiên Vương, rồi cùng đại chúng xuống hết các bậc, đến cấp chót nhất, Đức Phật sắp sửa đặt chân xuống đất, thì Tỳ kheo Ni Liên Hoa Sắc liền biến thân mình làm Chuyển Luân Vương³¹, lãnh bốn binh chủng và bảy thứ báu dẫn đi tới trước, từ không trung xuống vội tới chỗ Phật. Các vị quốc vương ai cũng tự hỏi: “Vua Chuyển luân này, từ đâu đến đây?”

Lúc ấy, Tôn giả Tu Bồ Đề đang ở trong phòng thấy Phật xuống đến, liền sửa y phục với mình lễ kính, Tỳ kheo Ni Liên Hoa Sắc bỏ thân Luân Vương hoàn lại hình cũ, liền vội đánh lễ dưới chân Đức Thế Tôn.

Khi đó, Đức Phật đủ điều quả trách Tỳ kheo Ni ấy và bảo bà rằng:

- Ngươi không biết à? Ông Tu Bồ Đề lễ Ta trước rồi! Ngươi được ai bảo biến làm Luân Vương? Ngươi được dự vào hàng ngũ xuất gia, thọ giới Cụ Túc đã quá phạm rồi. Trí ngươi nhỏ mọn, còn sự siểm trá lại không bờ bến, dù cho từ bi báo đáp ân đức, thì cũng chỉ như một giọt sương móc, há có thể nào ở trong pháp Ta làm Thượng thủ sao?

Ni Liên Hoa Sắc nghe Phật răn dạy, rất sanh xấu hổ, liền bạch Phật rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn! Nay con tự biết tội lỗi không ít. Từ nay về sau, con không dám biến hiện thần thông nữa.

Bấy giờ trong Diêm Phù Đề, các vị quốc vương các vị quan quyền và bốn hộ chúng, đều đem các món cúng phẩm mang theo, dâng cúng Đức Phật.

Vua Ưu Đà Diên đầu đội tượng Phật³² và những vật cúng quý lạ bậc nhất đến chỗ Như Lai và dâng hiến lên. Thân Phật tướng tốt đầy vẻ đoan nghiêm thù đặc sáng ngời ở giữa chư Thiên, ví như trăng tròn ra khỏi mây che. Tượng Phật chạm khắc, so với Đức Phật, không khác gò nổng sánh núi Tu Di chẳng thể nào dụ, chỉ có xoắn tóc và tướng ngọc hào giống Phật một ít, để khiến bốn chúng biết là TƯỢNG PHẬT.

Vua Ưu Đà Diên bạch Đức Phật rằng:

- Kính lạy Thế Tôn! Đức Như Lai thuở xưa ở trong sanh tử cầu đạo Bồ Đề, thực hành vô lượng vô biên hạnh khổ khó làm khó nhẫn³³, kết quả được thân nhiệm mầu hơn hết, không ai sánh bằng. Pho tượng con tạo chẳng giống Đức Phật, con tự trộm nghĩ rất là tội lỗi.

Đức Thế Tôn bảo vua Ưu Đà Diên:

- Chẳng bị tội lỗi! Nay ông đã làm lợi ích vô lượng, không có người nào sánh bằng với ông. Nay ông ở trong giáo pháp của ta, làm người gương mẫu đầu tiên. Bởi nhân duyên này, làm cho vô lượng chúng sanh đời sau, được sanh đức tin rất là sâu sắc. Ông nay đã được vô lượng phước đức, cần lành rộng lớn.

Khi đó vua trời Đế Thích lại bảo vua Ưu Đà Diên:

- Nay vua ở đây chớ có lo sợ. Khi Đức Như Lai trước ở cõi trời và nhơn gian này, đều khen ngợi về công đức tạo tượng của vua, còn chư Thiên chúng thì rất tùy hỷ. Người có tín tâm trong đời sau này, đều nhờ nơi vua mà tạo tượng Phật để được hưởng phước, nay vua hãy nên vui vẻ tự mừng.

(HẾT QUYỂN THƯỢNG)³⁴

---o0o---

KINH ĐẠI THỪA CÔNG ĐỨC TẠO TƯỢNG PHẬT

QUYỂN HẠ

Triều Vua ĐẠI ĐUỜNG: Nước VU ĐIỀN

Tam Tạng Sa Môn: ĐỀ VÂN BÁT NHÃ Vâng chiếu dịch

Việt Nam. Tỳ kheo THÍCH THIÊN THÔNG Dịch ra Việt văn

Bấy giờ, Đức Phật ngồi tòa Sư Tử³⁵ tại nơi đạo tràng nước Tăng Già Thi. Tâm của bốn chúng người nào cũng nghĩ: “Chúng ta mong được nghe Đức Như Lai diễn nói công đức của sự tạo tượng. Nếu chúng sanh nào làm kẻ ấy được phước cỡ nào?”

Lúc đó, Ngài đại Bồ Tát Di Lặc biết ý nghĩ ấy liền từ chỗ ngồi đứng dậy sửa áo, hờ vai bên mặt, quỳ thẳng chấp tay bạch lên Đức Phật:

- Kính bạch Thế Tôn! Vua Ưu Đà Diên tạo hình tượng Phật, nếu Phật ở đời hoặc Niết Bàn rồi, người có lòng tin, có thể tùy phần tạo hình tượng Phật, người ấy gặt hái công đức thế nào? Cúi mong Thế Tôn nói rộng tướng ấy.

Đức Phật bảo Ngài Bồ Tát Di Lặc:

- Di Lặc lắng nghe và khéo nhớ lấy, sẽ vì ông nói.

- Nếu có thiện nam, người thiện nữ nào đức tin trong sạch, chuyên ròng buộc niệm về công Đức Phật, thường xét Như Lai oai đức tự tại, đầy đủ. Mười lục, Bốn Vô sở úy³⁶, Mười tám pháp Bất cộng, Đại từ, Đại bi, Nhứt thiết Chứng trí, ba mươi hai tướng của Đại tượng phu, Tám mươi tướng phụ. Mỗi lỗ chân lông đều có vô lượng ánh sáng khác màu, trăm ngàn ức thứ phước đức siêu thắng trang nghiêm tạo thành, vô lượng trí tuệ sáng tỏ thông suốt, vô lượng Tam muội, vô lượng thần thông... Tất cả các thứ công đức như vậy không có hạn lượng, lia các lỗi lầm, không ai sánh bằng.

Người nào xét nghĩ rồi sanh tin ưa một cách sâu sắc, y các tướng tốt mà tạo tượng Phật, công đức người ấy rộng lớn vô biên, không thể tính đếm.

- Di Lặc! Nếu có người nào dùng những tơ sợi, thù thuà tượng Phật³⁷ hoặc là nấu đúc bằng thứ vàng, bạc, đồng, sắt, chì, kẽm. Hoặc điêu khắc bằng gỗ thơm Chiên đàn, hoặc khắc bằng thứ trân châu, sò ốc, gắm vóc dẹt thành, đất đỏ xi măng, thạch cao, đất sét, hoặc các thứ gỗ... Dùng những vật đó tùy phần sức mình tạo ra tượng Phật³⁸, cho đến rất nhỏ như ngón tay cái, có thể khiến cho người khác nhìn biết đó là Tôn tượng, phước báo người nay ta sẽ nói:

- Di Lặc! Những người như vậy ở trong sanh tử tuy còn trôi lặn, trọn chẳng sanh tại gia đình nghèo cùng, cũng chẳng sanh nhà dòng dõi thấp hèn, cô đơn hẻo lánh ở ven cõi nước. Lại cũng chẳng sanh vào nhà tà kiến, con buôn, con bán, nhà làm hàng thịt, cho đến chẳng sanh vào giòng hèn hạ, kỹ nữ bất tịnh, hoặc nhà ngoại đạo, khổ hạnh tà kiến, trừ khi vì sức thệ nguyện Từ Bi, ngoài ra chẳng sanh vào những nhà ấy.

Người này thường sanh nhà thuộc giòng tộc vua Chánh Chuyển Luân có thể lực lớn. Hoặc sanh giòng Bà La Môn tịnh hạnh, hoặc nhà giàu sang không tạo tội nặng. Sanh ở nơi nào cũng thường gặp Phật, vâng thờ cúng dường. Hoặc được làm vua hộ trì chánh pháp, đem pháp giáo hóa, chẳng làm trái đạo. Hoặc làm vua Thánh Chuyển Luân oai hùng, bảy báu thành tựu, đủ ngàn người con, bay đi trên không giáo hóa bốn châu, suốt một cuộc đời tự tại giàu vui. Hoặc làm Đế Thích, vua Trời Dạ Ma, vua trời Đâu Suất, vua trời Hóa Lạc, vua trời Tha Hóa Tự Tại, lạc thú Trời người, không gì chẳng hưởng. Phước báo như thế nối tiếp không dứt. Sanh ra nơi đâu cũng là đàn ông, không chịu thân nữ, lại chẳng chịu thân huỳnh môn hai hình là thứ hèn hạ. Thân được thọ sanh không bị xấu xí, mắt chẳng mù chột, tai chẳng điếc lác, mũi chẳng cong gãy, miệng chẳng méo lệch, môi chẳng trề xuống, cũng chẳng tím rút, răng chẳng thừa thiếu chẳng đen, chẳng vàng, lưỡi chẳng ngắn thụt, cổ chẳng bướu nhọt, thân chẳng lưng gù, da chẳng loang lỗ, tay chẳng cụt ngắn, chân chẳng lệch què, chẳng quá ốm o, chẳng quá béo mập, cũng chẳng quá dài, cũng chẳng quá ngắn... Điều không có các tướng chẳng đáng ưa.

Thân của người ấy trắng thóm đoan trang, mặt mày đầy đặn. Tóc màu xanh biếc mềm mại, sáng sạch. Môi đỏ như son, mắt như sen xanh, tướng lưỡi rộng dài. Răng trắng bằng khí, nói ra hay khéo, khiến người nghe ai cũng vui đẹp. Khuỷu tay vừa chùng. Bàn tay bằng phẳng, lưng vé no đây, vai ngực nở nang, tay chân dịu dàng dường như bông vải, các tướng đầy đủ không bị khuyết giảm gân sức tất mạnh, tựa hồ như trời Na La Diên³⁹.

- Di Lặc! Ví như có người rớt vào hầm cầu tiêu, từ đó được ra, cạo bỏ phần ứ, lấy nước rửa sạch, dùng hương thoa thân, mặc áo mới sạch... Người như thế đó so với người còn ở trong hầm tiêu, chưa được ra khỏi, vậy sự nhơ sạch và sự thơm, hỏi cách nhau bao nhiêu? Kính bạch Thế Tôn việc ấy cách xa không biết mấy lần!

- Di Lặc! Nếu có người nào còn trong sanh tử, hay phát lòng tin tạo hình tượng Phật, so sánh với lúc người ấy chưa tạo, thì sự cách xa lại cũng như vậy. Nên biết người ấy đời đời sanh ra trừ sạch nghiệp chướng, các thứ kỹ thuật, không thấy mà hiểu. Tuy sanh làm người mà các giác quan được coi như cõi trời. Nếu sanh lên trời, thì trời vượt hơn rất nhiều Thiên chúng. Sanh ra nơi nào cũng không tật nguyên, không bị phung hủi, không bị ung thư, không bị dựa nhập bởi các quỷ mị. Không mắc những bệnh điên cuồng khô héo, vàng da sốt rét, sạn hòn, ghẻ dữ, thẹo sâu, thổ tả vô độ, ăn uống không tiêu, cựa mình nhưc nhói, tê liệt nửa người... Những bệnh như vậy bốn trăm bốn chúng thấy đều không có⁴⁰.

Lại cũng chẳng bị các thứ thuốc độc, binh khí gây gộc, cọp sói, sư tử, nước, lửa, trộm, cướp... những duyên xảy ra bất ngờ như vậy không làm tổn hại. Thường được không sợ, chẳng phạm các tội.

- Di Lặc! Nếu có chúng sanh trước tạo nghiệp ác, phải chịu đủ thứ các sự khổ não, như bị kèm kẹp, còng khóa, gông xiềng, đánh mắng, đốt châm, xẻ da nhổ tóc, treo ngược lên cao, cho đến hoặc bị mổ xẻ lòng đốt... Nếu phát lòng tin tạo hình tượng Phật, thì khổ báo ấy thấy đều chẳng thọ. Chẳng sanh những chỗ giặc giã quấy nhiễu, thành ấy sụp đổ, sao dữ biến quái, đói kém ôn dịch... Những chỗ như thế đều chẳng sanh đến, nếu nói có sanh, đó là vọng ngữ.

Lúc ấy, Ngài Đại Bồ Tát Di Lặc bạch Phật:

- Kính bạch Thế Tôn! Như Lai thường nói “Nghiệp lành, nghiệp dữ đều chẳng mất mát.”⁴¹ Nếu có chúng sanh gây tạo nghiệp nặng, phải sanh vào nhà giòng họ hèn mọn, nghèo nàn tật nguyên, mạng sống ngắn ngủi. Sau phát lòng tin tạo hình tượng Phật, các tội báo này là còn phải chịu hay là chẳng chịu?

Đức Phật bảo Ngài Bồ Tát Di Lặc:

- Ông nay nghe kỹ, sẽ vì ông nói. Nếu chúng sanh nào gây các tội rồi, phát tâm tạo tượng cầu xin sám hối, quyết định tự dứt, thề không phạm lại, thì tội tạo phước đều được tiêu diệt. Nay ta vì ông nêu rộng việc này.

- Di Lặc! Ví như có người đời trước sên lặn, do duyên có đó chịu khổ nghèo nàn, không có của cải, thiếu thốn vật dùng, bỗng gặp Tỳ kheo trước đó nhập định, từ định vừa xuất, người kia liền đem món ăn thức uống dâng lên cúng thí, người ấy thí rồi khỏi khổ nghèo nàn, phạm có cầu gì, đều như ý muốn. Di Lặc! Nghiệp ác đời trước và chỗ mắc báo của người nghèo kia nay có còn chăng?

Ngài Di Lặc thưa:

- Kính bạch Thế Tôn! Nhờ cúng thức ăn mà nghiệp ác cũ thấy đều diệt hết, lìa hẳn nghèo nàn và được giàu có, của cải sung túc.

Đức Phật dạy rằng:

- Bồ Tát Di Lặc! Đúng như ông nói, nên biết, người kia lại cũng như vậy. Nhờ tạo tượng nên những nghiệp ác cũ hết hẳn không còn, chỗ đáng chịu báo đều chẳng chịu nữa.

- Di Lặc! Nghiệp có ba thứ⁴². Một là, hiện đời chịu báo. Hai là, đời sau chịu báo. Ba là, nhiều đời về sau mới chịu quả báo... Trong ba loại nghiệp như vừa nêu trên, mỗi nghiệp đều có Định và Bất định. Người có lòng tin tạo hình tượng Phật, chỉ có định nghiệp là trong hiện đời chịu lãnh ít phần, ngoài ra chẳng chịu những thứ nghiệp khác.

Khi ấy, Bồ Tát Di Lặc bạch rằng:

- Kính bạch Thế Tôn! Như Lai thường nói: Có năm thứ nghiệp rất là sâu nặng, quyết định đọa tại địa ngục vô gián⁴³. Đó là các tội: giết cha, hại mẹ, giết A La Hán, ác tâm làm cho thân Phật ra máu, phá hòa hợp Tăng. Nếu có chúng sanh trước tạo tội này, sau sanh lòng tin đối với Đức Phật và tạo hình tượng, người này có còn đọa tại địa ngục hay chẳng bị đọa?

Đức Phật bảo Ngài Bồ Tát Di Lặc:

- Nay ta vì ông nói một thí dụ nữa: Giả như có người, tay cầm cung mạnh ở giữa rừng cây, nhắm lên phía trên bắn những lá cây, mũi tên đi suốt không bị trở ngại. Nếu có chúng sanh gây tội nghịch kia, sau tạo tượng Phật,

thành tâm sám hối, được đức tin chưa chắc chắn lắm, người ấy tưởng mình tội được nhẹ mỏng, thì dù có đọa ngục chẳng nữa cũng liền ra khỏi, như mũi tên bắn đi suốt không ngừng, trường hợp người này lại cũng như vậy... Lại như Tỳ kheo, chúng Thần túc thông, từ bờ bên này qua bên kia biển quanh cả bốn châu không gì ngăn ngại. Người kia cũng thế, do tội phạm trước tạm đọa địa ngục, chẳng phải nghiệp trước có thể làm ngại.

Bồ Tát Di Lặc lại bạch hỏi tiếp:

- Kính bạch Thế Tôn! Chư Phật Như Lai là thân Pháp tánh, chẳng phải là thân thuộc về sắc tướng. Nếu lấy sắc tướng làm thân Đức Phật, thì Tỳ kheo Nan Đà và Chuyển Luân Vương lẽ ra là Phật. Bởi vì đều có đủ các tướng tốt. Như có chúng sanh hoại pháp thân Phật⁴⁴, Pháp nói là phi pháp, phi pháp nói là pháp, sau phát lòng tin và tạo tượng Phật, thì tội nặng này là cùng tiêu diệt, hay chẳng được diệt?

Đức Phật bảo Ngài Bồ Tát Di Lặc:

- Nếu chúng sanh nào pháp nói là phi pháp, phi pháp nói là pháp, chỉ dùng miệng nói mà không phá kiến, sau sanh tin ưa tạo hình tượng Phật, thì nghiệp ác trước, chỉ nơi hiện thân bị chịu báo nhẹ, chẳng đọa đường ác, song với sống chết chưa giải thoát liền.

Bồ Tát Di Lặc lại thưa hỏi tiếp:

- Kính bạch Thế Tôn! Nếu có người nào, trộm lấy những vật trong bảo tháp Phật, trộm vật thường trụ, trộm vật bốn phương Tăng, vật hiện tiền Tăng, tự mình tiêu dùng, đem cho người dùng, coi như của mình. Thế Tôn thường nói: “Dùng vật lấy trộm từ trong tháp Phật hay vật của Tăng, tội ấy rất nặng.”⁴⁵ Vậy chúng sanh nào tạo tội ấy rồi rất tự hối trách, khởi lòng tịnh tín và tạo tượng Phật, các hạng người đó tội được diệt chẳng?

Đức Phật bảo Ngài Bồ Tát Di Lặc:

- Nếu chúng sanh nào từng dùng vật ấy, sau tự tỉnh xét ôm lòng then hỏi, y số thường bồi, thì chẳng phạm nữa, nay ta vì ông nói một ví dụ: Như có người nghèo trước mắc nhiều nợ, bỗng gặp của chìm vô số vàng ngọc, trả hết nợ xong vẫn còn dư lớn. Người tạo tội kia lại cũng như thế, đền vật nợ rồi lại tạo tượng Phật, sẽ khỏi nạn khổ, mãi được an vui.

Bấy giờ Ngài đại Bồ Tát Di Lặc lại bạch hỏi Phật:

- Kính bạch Thế Tôn! Như Phật từng dạy “Ở trong pháp Phật mà phạm khí tội⁴⁶, chẳng gọi là sống.” Nếu lại có người phạm tội đó rồi, phát tâm nhớ nghĩ công đức chư Phật và tạo hình tượng, vậy thì đời trong giáo pháp của Phật được “sống” lại chăng? Lại trong đời này, hoặc đời thứ hai, thứ ba, thứ tư được chứng Pháp chăng?

Đức Phật bảo ngài Bồ Tát Di Lặc:

- Ví như có người thân bị trói cột, tay, chân và cổ, nếu được cởi trói như chim khỏi lưới, bay đi tự do, việc kia thế nào thì người nọ cũng vậy. Nếu phát lòng tin, ngẫm nghĩ về những công đức của Phật và tạo tượng Phật, thì các nghiệp chướng đều được tiêu trừ, ở trong sanh tử mau được ra khỏi, không bị trở ngại. Di Lặc nên biết, có ba Thừa pháp⁴⁷ là Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa và Phật Đại thừa, người tạo tượng Phật tùy nơi thừa nào, khởi nguyện ưa muốn, tức nơi thừa đó, được sự giải thoát. Nếu như chỉ vì cầu thành Phật đạo, không cầu báo khác, thì dầu chướng nặng vẫn được mau diệt, tuy tại sanh tử nhưng không nạn khổ, cho đến sẽ chứng Vô thượng Bồ đề, được cõi thanh tịnh; đủ các tướng tốt, được cảm thọ mạng, lâu dài vô tận.

Bấy giờ trong hội, có những người chưa phát tâm Đại thừa, đều sanh mỗi nghi, nghĩ như thế này: “Đức Như Lai ta về thuở quá khứ có tạo tượng Phật hay là không tạo? Giá mà có tạo, sao tuổi thọ Ngài ở đây những như chớp, chẳng được thanh tịnh?”

Vua Ba Tụ Nặc nương oai thần Phật⁴⁸, liền từ chỗ ngồi, đứng dậy chấp tay quỳ thẳng bạch Phật:

- Kính bạch Đức Thế Tôn! Con thấy Đức Như Lai các căn tướng tốt cũng như giòng tộc đều là đệ nhất, lòng con quyết định không có chỗ nghi. Nhưng Đức Như Lai từng có một lần, cây Khư đà la đâm thủng chân Ngài. Lại có một lần Đề Bà Đạt Đa lăn đá văng mảnh, chân Phật chảy máu. Trước đây có lúc Ngài bảo có bệnh, cho mời Kỳ Bà điều chế thuốc tốt. Lại có một lần từng nhức sau lưng. Ngài bảo Tôn giả Ma Ha Ca Diếp tụng bảy pháp Giác phân thì chỗ đau được trừ. Lại có một lần từng bị đau nhức, sai Ngài A Nan đến nhà Bà La Môn tìm xin sữa bò. Trước đây có lần tại thôn Ta La, ba tháng an cư chỉ ăn lúa ngựa. Lại từng một lần khát thực chẳng được, bát không trở về.⁴⁹”

- Kính bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói: “Nếu có người nào tạo hình tượng Phật, thì bao nghiệp chướng đều bị trừ diệt, lìa những khổ não, không các tật bệnh. Vậy Đức Thế Tôn trong những kiếp xưa từng có tạo tượng hay

là không tạo. Nếu trong quá khứ Ngài có tạo tượng, thì nhân duyên nào, có những việc ấy?”

Đức Phật bảo vua Ba Tư Nặc rằng:

- Lóng nghe! Lóng nghe và khéo nhớ nghĩ, sẽ vì Đại vương phân biệt giải nói. Hỡi này Đại vương Ta về kiếp xưa vì cầu Bồ đề mà đã dùng những châu ngọc quý giá, gỗ thơm Chiên đàn và việc sơn vẽ để tạo tượng Phật, nhiều hơn tất cả số chúng Trời người trong hội hiện nay. Do phước này nên đầu còn trong vòng lưu chuyển sanh tử chưa mê hoặc, nhưng được thọ thân bền như kim cương, chẳng thể tổn hư.

Lại này Đại vương! Ta nhớ quá khứ cách vô lượng kiếp, còn trong sanh tử ta tạo tượng Phật lúc đó ta còn tham, giận, si mê⁵⁰... Vô lượng phiền não tương ưng với tâm, nhưng ta chưa từng trong khoảng một niệm, vì tội nghiệp mà bốn đại chẳng điều, hoặc là bị các quỷ thần dựa nhập, hay bị chút ít các chứng bệnh khô, còn vật cần dùng thì không thứ nào mà chẳng đầy đủ, huống gì ngày nay ta đã chứng đạo Bồ đề, lại còn có việc “bất như ý” sao?

- Đại vương! Nếu ta thưở xưa từng tạo tượng Phật, nay có nghiệp tàn để chịu báo đó, ta làm sao thành bức “Vô úy thuyết” để rồi nói rằng “Tạo tượng quyết định có thể trừ hết các nghiệp xấu ác?”

- Đại vương! Ta thưở quá khứ cấp giúp vô lượng món ăn thức uống, tiền tài châu báu⁵¹, làm sao đời nay khát thực chẳng được phải ăn mã mạch? Thoảng như ngày nay, việc đó có thật, thì ta làm sao trong vô lượng kinh, nhiều cách khen ngợi thí Ba la mật, nói phước bố thí trọn không hư dối?

- Đại vương! Ta là một bực nói chơn, nói thật, bậc không nói gạt. Nếu ta khi dối thì độ được ai?

- Đại vương! Từ lâu ta đã dứt hết nghiệp ác, bỏ việc khó bỏ, làm sự khó làm, thân mạng được bỏ hàng trăm ngàn ức, đã tạo vô lượng hình tượng chư Phật, hối cải vô lượng các tội nghiệp ác, há mắc những việc bị thương, bệnh khô, ăn dùng lúa ngựa, đói khát hay sao? Nếu từng được những quả báo thù thắng, nay lại lui mất, lấy đâu khuyến tu các phước lành kia?

- Nay Đại vương! Chư Phật Như Lai là thân thường hằng, là thân pháp tánh⁵², vì độ chúng sanh mà hiện việc trên, chẳng phải thật vậy. Bị thương bàn chân, đau lưng, xin sữa, uống thuốc v.v... cho đến nhập đại Niết bàn, để

xá lợi mình phân chia các nơi, xây tháp v.v... Đều là phương tiện hay khéo của Phật, khiến các chúng sanh thấy tướng như vậy.

Đại vương! Ta ở thế gian hiện ra những việc bệnh hoạn như trên, mục đích muốn cho chúng sanh biết rõ nghiệp báo chẳng mất, khiến họ biết sợ để dứt tội lỗi tu các hạnh lành, để rồi sau đó, biết thân thường hằng, biết thân pháp tánh, thọ mạng vô hạn, cõi nước thanh tịnh.

- Đại vương! Chư Phật Như Lai không hề hư vọng, thuận là đại bi, trí tuệ khéo léo, cho nên có thể đủ mọi cách thức thị hiện như vậy.

Khi đó vua Ba Tư Nặc nghe lời này rồi, mừng vui khắp khởi, cùng với vô lượng trăm ngàn chúng sanh, đều phát đạo tâm Vô thượng Bồ đề⁵³.

Bấy giờ, Ngài đại Bồ Tát Di Lặc tiếp tục hỏi Phật:

- Kính bạch Thế Tôn! Có những người nữ ý chí nhỏ hẹp, mang nhiều ghen, giận, khinh bạc, siểm dối, giận dai không bỏ, mang ơn chẳng báo. Dầu cầu Bồ đề, nhưng không mấy người giữ chí bền bỉ, thường muốn mê hoặc tất cả mọi người, lại cũng bị người lừa gạt trở lại⁵⁴.

- Kính bạch Thế Tôn! Nếu người nữ này tạo hình tượng Phật, những nghiệp như vậy được trừ diệt chăng? Được làm một người biết ơn, báo ơn chăng? Được đủ trí tuệ, đại từ bi chăng? Với sự sống chết hay chán lìa chăng? Trừ khi nguyện lực, ngoài ra có chịu thân nữ lại chăng? Có được như bà Cù Đàm Di và Phật mẫu là bà Ma Gia phu nhân chăng?

Đức Phật đáp lời Bồ Tát Di Lặc:

- Nếu người nữ nào hay tạo tượng Phật, thì hẳn không thọ lại thân phụ nữ. Giả như thọ thân, thì đó là bậc nữ lưu tôn quý đệ nhất hơn hết. Nhưng các người nữ có năm thứ đức, những gì người nữ tạo tượng sẽ được, hơn cả nữ giới. Năm đức là gì?

Một là: Sanh nở con cái.

Hai là: Giòng dõi tôn quý.

Ba là: Bẩm tánh trinh lương.

Bốn là: Thể chất tướng mạo đẹp đẽ cả hai.

Năm là: Dáng vẻ mỹ mãn.

- Di Lạc! Tất cả người nữ có tám nhân duyên cho nên hằng chịu thân nữ nhiều đời. Thế nào là tám?

Một là: Yêu dẫu thân nữ.

Hai là: Ham đắm dục lạc của người phụ nữ.

Ba là: Miệng thường khen ngợi dung chất nữ nhon.

Bốn là: Lòng không ngay thẳng, che dấu việc làm.

Năm là: Chán nản chồng mình.

Sáu là: Cõi lòng nặng trĩu nhớ đến người khác.

Bảy là: Biết người có ơn nhưng mình bội nghịch.

Tám là: Trang sức tà ngụy muốn người mê luyến.

Nếu hay dứt hẳn tám điều như thế, tạo hình tượng Phật, mãi đến thành Phật, thường làm đàn ông. Chịu thân nữ nữa là điều vô lý.

- Di Lạc! Có bốn thứ nhân duyên, khiến những người nam chịu thân nữ nhon. Thế nào là bốn?⁵⁵

Một là: Dùng tiếng người nữ khinh cười gọi Phật, chư vị Bồ Tát, các vị Thánh nhon.

Hai là: Với người giữ giới, đem lòng chê bai, nói rằng phạm giới.

Ba là: Ưa đi nịnh hót dối gạt người khác.

Bốn là: Thấy ai hơn mình tâm sanh ganh ghét.

Nếu đàn ông nào làm bốn việc trên, sau khi chết rồi ắt chịu thân nữ, lại phải trải qua vô lượng nỗi khổ trong các ngã ác. Nếu phát lòng tin sâu dày sám hối việc làm lúc trước và tạo tượng Phật, các tội như trên đều bị tiêu diệt, rốt ráo chẳng còn chịu thân người nữ.

- Di Lặc! Có bốn thứ nhân duyên, khiến những người nam chịu thân huỳnh môn⁵⁶. Những gì là bốn?

Một là: Tàn hại hình dáng người và súc sanh.

Hai là: Đồi với Sa môn gìn giữ tịnh giới mà nổi sân hận chế giễu chê bai.

Ba là: Tình nhiều tham dục, cố tâm phạm giới.

Bốn là: Gân người phạm giới, lại khuyên người phạm.

Nếu người nam nào trước làm điều này, sau khởi lòng tin tạo hình tượng Phật, mãi đến thành Phật chẳng chịu báo đó, thường làm đàn ông các căn đầy đủ.

Di Lặc! Có bốn thứ nghiệp hay khiến đàn ông chịu thân hai hình⁵⁷, thấp hèn nhứt trong tất cả mọi người. Những gì là bốn?

Một là: Loạn dâm như nhóp ở chốn tôn nghiêm.

Hai là: Với thân người nam mà đắm nhiễm bậy.

Ba là: Chính tự nơi mình làm việc dâm dục.

Bốn là: Mua bán nữ sắc cho những người khác.

Nếu chúng sanh nào làm các việc ấy, rất tự trách lỗi, hối chỗ phạm trước, khởi lòng tịnh tín tạo tượng Phật, mãi đến thành Phật, chẳng chịu thân ấy.

Di Lặc! Lại có bốn duyên khiến những người nam, tâm họ thường sanh ái dục của nữ⁵⁸, thích người với mình làm chuyện đàn ông. Thế nào là bốn?

Một là: Hoặc ngờ, hoặc giận báng bỏ người khác.

Hai là: Ưa lỗi phục sức trang điểm của nữ.

Ba là: Làm chuyện dâm như với người nữ bà con.

Bốn là: Thật không đức tốt, vọng nhận người lạ.

Do nhân duyên này khiến những đàn ông khởi những phiền não khác biệt như thế. Nếu như ăn năn những lỗi đã phạm, chẳng tạo lỗi mới, tâm sanh tin ưa tạo hình tượng Phật, tội kia đã diệt tâm nọ cũng dứt.

Di Lạc! Có năm thứ bòn xén⁵⁹ hay phá chúng sanh. Thế nào là năm?

Một là: Xén tiếc thôn ấp, chỗ ở gần gũi. Do đây mà sanh ở chỗ đồng mông hiu quạnh.

Hai là: Xén tiếc nhà cửa, hiên chái để ở, sẽ làm sâu cỏ, hằng ở những chỗ phân tiêu hôi nhơ.

Ba là: Xén tiếc sắc đẹp đoan chánh, sẽ cảm hình xấu chẳng như ý muốn.

Bốn là: Xén tiếc của cải sẵn có, sẽ bị nghèo nàn, áo cơm thiếu hụt.

Năm là: Xén tiếc giáo pháp đã biết, sẽ mắc những quả báo súc sanh, đần độn.

Nếu như ăn năn nghiệp trước của mình và tạo tượng Phật, thì sẽ lia tâm bòn xén trước đó, không thọ những báo như đã nói trên!

Di Lạc! Lại có năm duyên làm cho chúng sanh, sanh chỗ man di, ở chốn biên cương⁶⁰, hoặc sanh thời kỳ không có Phật Pháp. Thế nào là năm?

Một là: Chẳng sanh lòng tin trong sạch đối với ruộng lành Tam Bảo.

Hai là: Trái với lẽ thật, lệch với chánh lý, mà vọng đi giáo giới.

Ba là: Chẳng đúng lý thật mà dạy trao người.

Bốn là: Phá hòa hợp Tăng khiến thành hai bộ.

Năm là: Cho đến ít nhất phá hai Tỷ kheo khiến chẳng hòa hợp.

Dứt hẳn nghiệp trên và tạo tượng Phật, sẽ thường gặp Phật, thường nghe pháp yếu.

Di Lạc! Chúng sanh lại có năm thứ nhân duyên thường bị nhiều người chán ghét xua đuổi, cả đến người thân cũng không ưa gặp⁶¹. Thế nào là năm?

Một là: Nói lời hai lưỡi.

Hai là: Nói lời hung ác.

Ba là: Nhiều sự tranh chấp.

Bốn là: Nhiều sự giận dữ.

Năm là: Giỏi nói bóng bẩy nhằm chê bai người.

Sau nếu phát tâm tạo hình tượng Phật, ăn năn nghiệp cũ thì không tạo lại, tội của người ấy đều được trừ diệt, được cả mọi người mến kính gần gũi. Tại sao vậy? Vì chư Phật có vô lượng vô biên phước đức thù thắng, vô lượng vô biên trí tuệ rộng lớn, vô lượng vô biên tam muội giải thoát⁶², đủ những pháp tánh công đức hiếm có.

- Chư thiện nam tử! Giả sử có người đem một tam thiên đại thiên cõi nước nghiền thành bụi nhỏ, lại nghiền bụi ấy, mỗi mỗi hạt bụi chia bằng con số bụi nhỏ trong một đại thiên thế giới, những số hạt bụi được nghiền gia tăng bởi những quốc độ một cõi đại thiên nhiều biết chừng nào. Giả như có người lấy hạt bụi nghiền, dùng sức thần thông đi qua phương Đông, khoảng một sát na vượt qua cõi nước nhiều như số bụi một cõi đại thiên đã được nghiền nhỏ (bằng một phần tỷ) sát na thứ hai, sát na thứ ba lại cũng như vậy, người ấy đi mãi lâu đến số kiếp như bụi đã nghiền, rồi bao sát na trong mỗi mỗi kiếp của mỗi sát na, đều lướt qua khỏi cõi nước nhiều như số bụi được nghiền toàn cõi đại thiên, hết số cõi ấy bèn bỏ một bụi. Người ấy trở lại lấy hạt bụi khác, lại qua phương Đông hơn số cõi đó bỏ một lần nữa, đến hạt thứ ba lại hơn lần trước, lần lướt như thế, cứ gập bội lên, cho đến hết sạch số bụi đã nghiền.

Phương Đông như thế, phương Nam, Tây, Bắc lại cũng như vậy. Những chỗ bốn phương người nọ đi qua, tất cả cõi nước nghiền thành bụi hết. Những hạt bụi này tất cả chúng sanh cùng nhau tính lường còn có thể biết, còn những công đức từng phần sợi lông nơi thân Như Lai, chẳng thể biết được. Tại sao vậy?

Những công đức mà chư Phật đã có, đều vô hạn lượng chẳng thể nghĩ bàn.

Các thiện nam tử! Giả sử số người nhiều như bụi nhỏ vừa được nêu trên bằng Xá Lợi Phất, bao nhiêu trí tuệ của những người đó, chẳng bằng một niệm trí của Như Lai. Vì sao thế?

Bởi vì Như Lai trong mỗi mỗi niệm, thường hay xuất hiện chánh định giải thoát, tổng trì v.v...nhiều hơn số bụi được ví dụ trên, thứ nào cũng có vô lượng công đức thù thắng vậy.

Công đức thù thắng của các Đức Phật, tất cả Thanh Văn, tất cả Duyên Giác còn chẳng thể biết danh từ để gọi! Thế nên người nào đức tin trong sạch tạo hình tượng Phật, tất cả nghiệp chướng thứ nào cũng diệt, được những công đức vô lượng vô biên, cho đến sẽ thành Vô thượng Bồ đề, nhờ hẳn khổ não cho khắp chúng sanh.

Đức Phật nói kinh này rồi, Bồ Tát Di Lạc và Thiên Đế Thích, vua Ưu Đà Diên và cả thế gian Trời, Người, Tu La, thần Càn thát bà được nghe Phật dạy, tất cả mừng rỡ, tin nhận vâng làm.

HẾT QUYỂN HẠ

---o0o---

HẾT

¹ Cây Ba Lợi Chất Đa La: Tên một giống cây đại thọ trên cõi trời Đao Lợi dịch là “Hương Biến Thọ.” Nghĩa là cây lớn có mùi hương ngạt ngào lan tỏa khắp nơi. Cũng có tên là “Thiên Thọ Vương” tức là chúa tể những loài cây trên trời. Cây này từ cành lá đến hoa trái đều thơm phức. Thân và tàng cây rất rộng che phủ cả một vùng mênh mông.

² Năm tướng suy hiện: chư Thiên trên trời Đao Lợi vị nào có năm tướng suy hiện ra, là điềm báo hiệu tuổi thọ đã sắp chấm dứt.

1. Hoa trên đầu héo
2. Y phục như nhớp
3. Đồ mờ hôi nách
4. Thân hình hôi hám
5. Không ưa ngồi trên tòa. Mỗi khi năm tướng ấy hiện, là điềm báo trước vị trời ấy sau khi mạng chung sẽ bị đọa lạc.

³ Nơi Phật đã ở trước đây: Tức là Tịnh xá Kỳ Hoàn, cũng gọi là Tịnh xá Kỳ Viên, tọa lạc tại ngoại ô thủ đô nước Xá Vệ, dưới thời cai trị của vua Ba Tư Nặc. Tịnh xá này do trưởng giả Cấp Cô Độc xây cất để dâng cúng Đức Phật

và Thánh Chúng. Sử liệu ghi rằng Đức Phật ở nơi đây trong 25 năm. 1250 vị đại đệ tử mà các kinh thường nêu cũng thường ở Tịnh xá này. Tịnh xá Kỳ Hoàn rất rộng lớn, yên tĩnh, mát mẻ các bậc vua, quan, trưởng giả thường tới lui nghe pháp, cúng dường Đức Phật và Thánh Chúng.

⁴ “Giả sử những người thông minh trong đời”: Những người thông minh trong đời, thuật ngữ thường gọi là hạng “Thể trí biện thông”, tức hạng người có tài biện bác các sự việc thế gian, như các nhà luận sư, luật sư, các nhà triết học, văn học, khoa học, toán học... Kể cả những nhà mỹ thuật như điêu khắc, hội họa, chiêm tinh, địa lý, lịch số v.v... Họ chỉ có cái trí thông minh hiểu biết việc đời, bởi họ không tin hoặc không tu theo Phật Pháp, nên không khế hợp với “lậu tận trí” là cái trí tuệ xuất thế gian, cho nên gọi hạng người trên là thông minh thế gian.

⁵ Thiên thần Tỳ Thủ Yết Ma: Tân dịch là Tỳ Thập Phục Yết Ma, vị này là bề tôi của trời Đế Thích, có khả năng biến hóa và làm ra các vật, các nghề khéo lạ. Thần này coi về phần kiến trúc. Tỳ Thủ Yết Ma, Hoa dịch là “Chủng chủng công nghiệp” nghĩa là: Chủ về các thứ nghề nghiệp. Sách Huyền Ứng âm nghĩa quyển 25 ghi “Trời Tỳ Thủ Yết Ma Trung Hoa dịch là “chủng chủng công nghiệp.” Ở Ấn Độ, người làm nghề mỹ thuật phần nhiều tế tự vị Thần này.

⁶ Gỗ thuần Chiên đàn: Chiên đàn là một loại gỗ quý, có lẽ quý nhất trong các loại gỗ. Vừa cứng chắc, vừa thơm nức, không có mùi thơm nào sánh kịp. Gỗ này mọc ở xứ Ấn Độ. Trung Hoa và Việt Nam không có. Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm có đoạn nói: “Đốt một lò hương gỗ Chiên đàn, mùi thơm của nó lan cả thành Thất La Phiệt. Như vậy đủ biết thơm đến mức nào.”

⁷ Ngõi kiết già phu: Tức là ngồi chéo hai chân lên nhau, như tượng Đức Phật ngồi mà ta thường thấy. Thế ngồi này còn gọi là Liên Hoa tọa, thế ngồi này rất vững, có thể ngồi một thời gian dài. Người tu thiền định thường tập ngồi kiết già.

⁸ Chắc hơi giống Phật: “(Ứng thiếu tợ Phật). Thần Tỳ Thủ Yết Ma là “Tổ sư” của nghề điêu khắc, nhưng ông tự nghĩ rằng nếu ông có tạo ra tượng Phật, cũng chỉ hơi giống phần nào mà thôi. Vì thân Phật có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, mỗi tướng, mỗi vẻ lại có vô số vẻ đẹp khác. Vẻ đẹp nào cũng có ánh sáng lấp lánh, vi diệu tuyệt vời, thì tượng vàng, tượng gỗ, tượng đá làm sao sánh bằng, do đó mà ông nghĩ rằng chỉ có thể giống Phật chút ít. Thiên thần Tỳ Thủ Yết Ma còn tự lượng sức mình như thế, người trần gian làm sao tạc nổi tượng Đức Như Lai?

⁹ Soạn lựa gỗ thơm, vai tợ khiêng vác: (Tuyển trạch hương mộc, kiên tợ hà phụ). Gỗ thơm là gỗ Chiên đàn như các tay thợ nề nghị. Nhà vua vào kho chọn lựa gỗ thơm và kê vai vào khiêng vác với các quan quân, khiêng một

khúc gỗ bề dài hơn ba mét, rất là nặng nề. Hành động trên đây cho thấy, thời xưa những bậc minh quân tôn sùng Phật pháp rất là tốt bụng. Trên cương vị ngôi cao cực phẩm, quyền uy bực nhứt, vậy mà chẳng kể thân mình, hạ thấp mình xuống để cùng mọi người vun bồi phước đức. Vua chúa ngày nay mấy ai đã làm như thế?

¹⁰ “Phạm Vương có thể sáng tạo thế gian”. Phạm Vương là một tên gọi khác của danh từ Đại Phạm Thiên Vương, là vị chủ tể cõi trời Đại Phạm ở Sơ thiên thuộc Sắc giới. Nhưng danh từ Phạm Vương cũng là danh từ chung, để gọi chư Thiên Sắc giới (gồm 18 cõi Trời).

Trong kinh đây nói: “Có những ngoại đạo thường tuyên bố rằng Phạm Vương có thể sáng tạo thế gian.” Thế thì, chữ Phạm Vương ở đây chỉ cho Phạm Thiên ngoại đạo. Sách Hành Sự Sao, ở cuối quyển 4 có nêu mười thứ ngoại đạo, trong có ngoại đạo nói: “Phạm Thiên là nguyên nhân sanh ra vũ trụ, chấp Phạm Thiên là “tạo vật chủ.” Hạng này có ba: 1. Phạm Thiên theo quan điểm các luận sư Phệ Đà. 2. Phạm Thiên theo quan niệm các luận sư phái Phệ Nữ (Tỳ Nữ Noa visnu). 3. Phạm Thiên theo quan niệm các luận sư phái thờ Na Hê Thủ La. Luận sư phái Phệ Đà cho rằng Phạm Thiên do trời Na La Diên sanh ra. Luận sư thờ Ma hê Thủ la cho rằng Phạm Thiên là Ứng thân của trời Ma Hê Thủ La.

¹¹ Ưu Lô Tàn Loa Ca Diếp, Già Da Diếp, Na Đề Ca Diếp: Ba vị này là anh em theo đạo Bà La Môn thờ lửa. Người anh cả là Ưu Lô Tàn Loa có 500 đệ tử. Già Da và Na Đề mỗi người anh có 250 đệ tử cộng chung là 1.000. Sau khi được Đức Phật hóa độ, ba anh em đem tất cả đồ chúng quy y theo Phật. 1.000 vị này thường đi chung, thường ở chung với Phật, từ Trúc Lâm Tịnh xá ở nước Ma Kiệt Đà, do vua Tần Bà Sa La xây dựng cúng dường cho đến đại Tịnh xá Kỳ Hoàn ở nước Xá Vệ, do ông Cấp Cô Độc xây dựng. Còn Ngài Ma Ha Ca Diếp, vị đại đệ tử đứng đầu của Phật, là ngoài số ba anh em ông Ca Diếp nói trên. Ngài Ca Diếp khi chưa xuất gia, Ngài là một danh sĩ lỗi lạc và là một nhà giàu có nhứt nhì ở thành Vương Xá.

¹² Có thể ở giáo pháp của ta chưa diệt trở lại: Giáo pháp của Phật truyền bá trong thế gian, cổ nhân thường chia làm ba thời kỳ:

- a. Chánh pháp 500 năm.
- b. Tượng pháp 1.000 năm.
- c. Mạt pháp 5.000 (có chỗ nói 10.000 năm).

Cộng chung ba thời kỳ như thế là sáu ngàn rưỡi năm, hay 11.500 năm. Trong khoảng thời gian sáu ngàn rưỡi năm sau Phật nhập Niết Bàn trở lại, gọi là “thời gian giáo pháp của Phật chưa diệt trở lại.”

¹³ Nhu thuận nhãn: Nhu thuận là Tâm nhu, trí thuận. Đối với lý thật tướng tâm không trái, không nghịch, cho nên gọi là Nhu thuận. Hay an trụ nơi vị

thứ của mình nên gọi là Nhân. Kinh Duy Ma Cật nơi Phẩm “Cúng Dường” nói: “Nghe pháp như vậy được Nhu thuận nhẫn.”

Nhu thuận nhẫn lại là một trong ba pháp nhẫn được nói trong kinh Vô Lượng Thọ Phật, Ba Pháp nhẫn đó là: Âm hưởng nhẫn, Nhu thuận nhẫn và Vô sanh pháp nhẫn. Ba pháp nhẫn này ý nghĩa rất sâu xa, ở đây chỉ xin lược nêu vậy.

¹⁴ “Chỉ trừ một nghiệp mà hiện thân chịu...”: Chi tiết này cho chúng ta biết: vua Ưu Đà Diên thân mắc nghiệp báo. Vậy nghiệp báo gì? Chắc chắn là nghiệp báo nói ngọng hoặc nói đót. Sở dĩ mắc quả báo này, là do đời trước ông đã dùng lời nói ác, chê bai nhục báng Thánh Nhơn nào đó, cho nên hiện thân mắc báo như thế.

¹⁵ “Ngay khi sau đó các vua nước lớn như vua A Xà Thế v.v...”: Đoạn văn này cho thấy rằng, vua Ưu Đà Diên tạo tượng vào lúc vua A Xà Thế đã quy y Tam Bảo, tức là vài ba tháng trước khi Đức Phật Niết Bàn (kinh Niết Bàn). Trong kinh Địa Tạng, nơi phẩm “Xưng danh hiệu chư Phật.” Đức Phật cũng có nói “Ta gần Niết Bàn” (ngộ tức Niết Bàn.)

¹⁶ “Đức Như Lai đã vì mẹ diên nói kinh gì? Diên nói kinh Địa Tạng. Đây là một chi tiết liên quan đến kinh Địa Tạng. Cho thấy kinh Địa Tạng được Đức Phật nói trong lúc Ngài gần Niết Bàn. Do đây mà biết, kinh Địa Tạng thuật lại những điều Đức Phật diên nói tại Thiên cung, kinh này thuật lại những diễn biến khi Đức Phật vắng bóng và sau khi Phật từ trên Trời Đạo Lợi trở xuống thế gian.

¹⁷ Hưởng lạc thú Trời: Lạc thú cõi Trời không nằm ngoài năm món dục lạc, đó là: Cửa cái, sắc đẹp, danh dự, ăn mặc, ngủ nghỉ. Tuy vậy, chư Thiên đó hóa sanh, cho nên cung điện, nhà cửa để ở, y phục, món ăn, thức uống v.v... cũng đều tùy phần phước báo của mỗi người mà tự nhiên hóa sanh, không phải tạo tác, xây dựng mới có như loài người ở thế gian. Tuổi thọ, mạng sống của chư Thiên lại lâu gấp trăm ngàn lần tuổi thọ của người thế gian hiện tại, và năm món dục lạc cũng tuyệt vời hơn người trần gian, cho nên chư Thiên tha hồ hưởng thụ không biết chán ngán, do đó mà quên tu tập trí tuệ Vô lậu xuất thế gian.

¹⁸ “Các người phiền não rất nặng”. Người ở trần gian do tu bố thí, cúng dường, sau khi mệnh chung, có hai con đường để họ sanh đến. Một là, sanh lên cõi trời Dục giới hoặc Sắc giới. Hai là, sanh lại trong loài người làm bực trưởng giả, vua chúa, quan quyền. Sanh lên cõi trời, dù hưởng vui vi diệu nhưng cội gốc phiền não, vận sẵn có đủ và Tùy phiền não vẫn còn dày đặc. Cội gốc phiền não là: Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi. Tùy phiền não là: Phẫn, hận, phú, não, tật, xan, cuồng, siểm, hại, kiêu v.v... Do đó Đức Phật khuyên cáo “Phiền não rất nặng.”

¹⁹ A Tu La: Dịch là không đoan chánh. Có nghĩa là dung mạo xấu xí, còn gọi là “không có rượu.” Quả báo của loài này không có rượu để uống. Tân dịch là A Tố Lạc, là hạnh phi Thiên, ý nghĩa ở chỗ quả báo loài này giống như trời song chẳng phải trời. A Tu La thuộc loài thần, thường cùng Đế Thích chiến đấu. A Tu La là một ngả trong sáu ngả, (lục đạo), một chúng trong tám chúng mà các kinh thường nêu. Những chúng sanh tạo cái nhân bô thí nhưng nhiều sân hận, nhiều ngã mạn, nhiều nghi ngờ, sau sanh trong loài này. Cung điện của A Tu La thường ẩn sâu trong lòng núi lớn trên mặt đất. Lưng chừng núi Tu Di, cách đánh núi 1.000 do tuần cung điện của vua A Tu La là Tỳ Ma Chất Đa La cư trú tại đó.

²⁰ “Xá Chi phu nhơn”: Xá Chi nghĩa là đáng yêu. Xá Chi là tên bà phu nhơn của Trời Đế Thích, nhơn tên của Đế Thích mà đặt là Xá Chi Bát Đê. Xá Chi vốn là con gái của A Tu La. Đàn ông của A Tu La thì xấu xí, người nữ của A Tu La lại rất đẹp đẽ. A Tu La vương thường chiến đấu với Thiên chúng, nhưng con gái của vua A Tu La nhan sắc khuynh thành, nên Thiên Đế Thích vẫn cứ cưới cô này làm vợ. Câu chuyện phu nhơn Xá Chi vì có ghen tức xúi cha gây hấn, làm cho tiên A Già Bà vô có bị ngờ như trong kinh đây nói, chuyện ấy hơi dài dòng, không thể thuật hết ra đây.

Thì ra, người dưới trần gian hơn thua kiện cáo, chiến tranh chém giết, việc ấy đã đành. Chư Thiên cõi trời cũng ghen tương đố kỵ, đánh đấm sát hại, gây ra bao nhiêu cảnh “động trời”!

²¹ Bốn sức Thần túc: Tức tứ Thần túc hay tứ Như ý túc. Đây là bốn món hay là bốn hạnh phẩm được tu trong 37 phẩm Trợ đạo. Tứ thần túc là bốn năng lực của thiền định. Thần là nghĩa linh diệu. Túc là nghĩa nương vào, vì nương nơi sức thiền định, sanh ra năng lực của thân, tức sử dụng thân theo ý muốn, tâm như ý muốn. Bốn thần túc gồm có: 1. Dục thần túc hay Dục như ý túc. 2. Cần thần túc hay Tinh Tấn như ý túc. 3. Tâm thần túc hay Nhứt tâm như ý túc. 4. Quán thần túc hay Quán như ý túc. Gọi một cách chung chung thì bốn thần túc tức sáu thông: Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông, Thần túc thông, Lộ tận thông. Danh từ này các kinh đã giải rất nhiều, nơi đây chỉ lược nêu, xin giảm bớt phần giải rộng.

²² “Ganh ty” là nghĩa của hai chữ tật đố. Thấy người khác có tài đức, có nhan sắc, của cải, có thể lực hơn mình rồi không ưa thích họ, không muốn họ hơn mình, ấy là ganh (tật). Thấy kẻ khác có nhan sắc, có danh dự rồi không ưa thích, không ưa như thế gọi là ty, là ghét (đố). Cá tánh này vốn từ gốc tham mà ra. Nhưng chữ tham chỉ cho tư tưởng, hành động chiếm đoạt sở hữu, nhưng không ước muốn những gì người khác hơn mình. Tham là một món độc trong ba độc, là phiền não gốc. Tật đố là một trong mười món tùy

phiền não bực thượng. Tùy phiền não có tất cả là hai mươi món (lược). Tùy phiền não bực thượng có mười món như đã giải ở trước.

²³ “Các Đức Như Lai sanh trong loài người”: Các Đức Phật thị hiện sanh giữ nhân loại tu hành thành bực Chánh giác, chuyên Pháp luân và nhập Niết Bàn v.v... Đều có những nguyên do sâu sắc chánh đáng. Đại để những nguyên do ấy là:

1. Loài người có đủ trạng thái khổ vui, một khi thức tỉnh chân khổ, cầu vui phát tâm tu hành, lại mau có kết quả hơn chư Thiên, chư Thần.
2. Chư Phật sanh trong loài người, cho nên sau khi Niết Bàn mới lưu Xá Lợi cho nhân gian, thiện thượng, Long cung. Vì nếu sanh nơi Thiên cung là do hóa sanh, nên khi thị tịch cũng sẽ hồn diệt, không có Xá lợi để lại cho đời.
3. Nếu sanh nơi Thiên cung, Long cung, con người sẽ không hay biết, nên không thể tu hành theo Phật.
4. Thị hiện giữa loài người có cha mẹ, vợ con nhằm khích lệ con người, nếu noi theo Ngài tu hành, tức có thể được giải thoát như Ngài.

²⁴ “Trong khoảng chớp mắt đã đến cõi Diêm Phù Đề”: câu này chỉ cho sức Thần túc thông của Tôn giả Đại Mục Kiền Liên. Trước đây giải sơ về tứ Thần túc trong đó có Thần túc thông. Ở đoạn này cho thấy sức Thần túc của ngài Mục Liên. Từ cung trời Đao Lợi (trên đỉnh núi Tu Di trở xuống đến mặt đất này, có thể xa trên 400 ngàn cây số theo khoa học, từ mặt đất lên cung trăng là 385.000 cây số, vậy mà Tôn giả Đại Mục Kiền Liên trong khoảng chớp mắt đã xuống mặt đất. Ôi! Thần thông trí tuệ của Thánh nhân chẳng thể suy lường. Thật ra, Thần túc thông của ngài Mục Liên còn hơn thế nữa, không phải chỉ chừng đó.

²⁵ Trước hết họ nhóm tại thành Vương Xá: Đây ta có thể hình dung cổ thành Tăng Già Thi hãn là rộng rãi bao la, mới có thể dung nạp một số lớn người nhiều như biển rộng, gồm ít nhất bốn hoặc năm nước, từ hạng vua quan cho đến thứ dân. Như vậy, đây quả là một cuộc nghinh đón chưa hề có trong nhân loại, kể về trước đó và lúc sau này. Thế mới biết Đức Như Lai, là đáng “Trời trong Trời”, đáng “Thánh trong Thánh.” Là đáng đưa đường cho cả trời, người, là đáng cha lành của cả muôn loài. Tiếc rằng ngày nay nhân loại không được diễm phúc chứng kiến và nghinh đón Ngài như xưa.

²⁶ Cùng với bốn chúng: Bốn chúng ở đây thuộc bên chúng Ni. Đó là: Tỳ kheo ni, Thức xoa ma na, Sa di ni và Cận sự nữ. Danh từ bốn chúng nguyên chỉ cho bốn bộ đệ tử xuất gia, tại gia của đạo Phật, gồm có: Chúng Tỳ kheo, chúng Tỳ kheo Ni, chúng Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ. Nếu kể thêm chúng Thức xoa ma na, chúng Sa di, chúng Sa di Ni nữa sẽ thành bảy chúng. Nhưng chúng Sa di nhiếp về Tỳ kheo, Chúng Thức xoa và Sa di Ni nhiếp về Tỳ kheo Ni.

Cho nên nói gọn lại còn 4 chúng. Văn trên nói bốn chúng là bốn chúng thuộc bên Ni.

Đoạn trước có nêu danh từ bốn chúng và cũng kể rõ thành phần bốn chúng xuất gia, tại gia.

²⁷ Bốn đội binh hùng: Tức bốn thứ binh chủng: Binh lính đi bộ, binh lính đi ngựa, binh lính đi xe, binh lính cỡi voi. Ngày xưa, mỗi khi các nước có chiến tranh, các vua, quan thường sử dụng bốn loại binh chủng này.

Quang cảnh vua chúa quân binh các nước, cùng vô số nhân dân chen chúc nhau nghênh đón Đức Phật, quả là một quang cảnh chưa ai thấy. Đây có lẽ Đức Phật tạo một cơ hội để chúng sanh được cúng dường Ngài một lần cuối, trước khi Ngài Niết Bàn. Do căn lành này mà người trần thế sẽ hưởng phước báu Trời, Người, được gặp chư Phật, được các Đức Phật độ thoát nơi đời vị lai.

²⁸ Trời Phạm Thế: Danh từ này gọi chung các cõi trời thuộc Sắc giới, từ Sơ thiên đến Tứ thiên, gồm có 18 cõi trời. Những chúng sanh đã lìa tình dục, thành tựu Phạm hạnh, sinh lên các cõi trời này. Được sanh về các cõi này đều do hóa sanh, thân lượng rất lớn, tuổi thọ rất dài, cho nên các kinh thường gọi là Trường thọ thiên. Tuy thọ mạng dài lâu nhưng một khi phước báo đã mãn, sức định đã hết phải hạ sanh cõi trời Dục giới, hoặc sanh xuống thế gian để thọ quả báo. Bởi vậy Đức Phật vẫn gọi các Trời Trường thọ là một nạn trong tám nạn, trừ chư Bồ Tát và các Thánh giả trong Thanh Văn thừa. Mười tám cõi trời Sắc giới các kinh thường nói xin miễn trích thuật nơi đây.

²⁹ Cùng với đông đảo chư Thiên các trời: Câu này một lần nữa xác định, chư Thiên 18 cõi trời Sắc giới xuống rất đông đảo tiễn đưa Đức Phật, sự đông đảo ấy dường như số cát sông Hằng. Ở đoạn văn sau cũng nói “Các vị Thiên chúng cõi trời Tịnh Cư chật cả hư không.” Cõi trời Tịnh Cư thuộc Tứ thiên Thiên. Riêng trời Tịnh Cư mà đã chật cả hư không, huống chi các trời khác. Đủ thấy cuộc hội kiến giữa trời và người, đông đảo đến số vô lượng vô biên không sao tính kể. Đức Phật lại dùng thần lực khiến ra năm điều hy hữu để cuộc hội kiến này hoàn toàn thanh tịnh.

Văn trước có nói: “Do thần lực Phật cho nên cõi Diêm Phù Đề có năm điều hiếm có” năm điều đã được trình bày vừa qua. Do năm điều mà cuộc hội kiến giữa chư Thiên và loài người diễn ra trong sự thanh tịnh và Thánh thiện. Nếu Phật không dùng thần lực khiến có năm điều như thế, thì chư Thiên không chịu nổi cảnh sắc, mùi vị bất tịnh của thế gian, và kẻ nam, người nữ thấy dung sắc tuyệt đẹp của chư Thiên nam, nữ, người trần gian sẽ sanh tư tưởng dục nhiễm, khiến chư Thiên động tâm và không bằng lòng.

Văn kinh trên đây diễn lại một cảnh tượng thần tiên tuyệt vời. Vô lượng hằng hà sa chur Thiên, đem những gì quý giá nhất dâng cúng đức Như Lai. Đủ cho thấy Đức Phật là đáng Ứng Cúng, đáng Chánh Biên Tri, đáng Vô Thượng Sĩ, đáng Điều ngự Trượng phu, đáng Thiên Nhơn Sư v.v... Vậy mà hàng ngoại đạo si mê tà kiếp, từ xưa đến nay, cho rằng Đức Phật không bằng các hạng trời thần của họ. Nếu được đọc đến kinh tâm tán đờm, khóc hận cho sự u tối của mình từ trước đến nay. Kinh nguyện oai thần của Phật khiến họ được xem, được biết những sự việc này.

³⁰ “Đồ chúng ngoại đạo... quy y lễ kính”: Đến đây chúng ta có thể trực nhận phần nào tâm ý của Phật, khi Ngài lên cung trời nói pháp. Vì làm lợi ích cho chur Thiên, vì thêm lòng khát ngưỡng cho người đời, vì làm cho ngoại đạo tà kiến thấy rõ sức đại oai thần của Phật, mà phải bỏ tà về chánh, cho nên Đức Phật thị hiện những năng lực chẳng thể nghĩ bàn như thế. Ngày xưa kẻ ngoại đạo thấy được oai thần của Phật mà phát tâm quy y lễ kính. Ngày nay tuy Phật đã Niết Bàn nhưng pháp thân Phật vẫn là thường trụ bất biến. Hàng ngoại đạo một phen được xem nghe điều này, cũng nên phá bỏ chấp trước sai lầm, cải tà quy chánh, để khỏi phụ lòng đại Từ Bi của Phật, phụ tánh linh sẵn có của mình.

³¹ “Tỳ kheo ni Liên Hoa Sắc tự biến thân mình làm Chuyển luân vương”: Câu này cho ta thấy Ni Liên Hoa Sắc thần thông khó lường. Liên Hoa Sắc hiện thân biến tướng như thế, chẳng phải bản ý của bà muốn vậy. Bởi vì bà là một bậc đã thông đạt tạng pháp của chur Phật, lẽ đâu bà lại không biết những việc nên làm nên tránh, để phải bị quở trách của Phật ư? Chẳng qua bà muốn thị hiện để làm mô phạm cho Ni chúng đời sau đó thôi. Ngày nay Ni giới đã có người đòi hỏi “Tặng Ni bình quyền.” Sự đòi hỏi ấy thật buồn cười. Sức thần biến như Ni Liên Hoa Sắc, muốn lát lướt Tặng giới còn bị Phật quở nặng, huống kẻ dung thường mà mong vượt bực hay sao? Hãy xem mô phạm Ni Liên Hoa Sắc mà bớt cầu cao, đòi hỏi rắc rối.

³² “Vua Ưu Đà Diên đầu đội tượng Phật”: Thật là một việc làm vô cùng cảm động, tiêu biểu tấm lòng thành kính tột độ. Tuy kinh văn nói như vậy, nhưng không hẳn là vua đội tượng trên đầu. Có thể nhà vua sai vệ sĩ khiêng tượng lên vai, còn mình thì cúi đầu đi dưới pho tượng đến trước đức Phật. Vì pho tượng cao 3m hoặc hơn nữa, ắt nặng nề, làm sao nhà vua đội lên cho nổi. Cũng có thể, do thần lực của Phật, khiến cho pho tượng nhẹ lại để vua đội lên chẳng? Dầu sao đi nữa, cử chỉ của vua Ưu Đà Diên cũng tiêu biểu tấm lòng tôn sùng Đức Phật một cách tuyệt đối. Vua chúa thời xưa, tín tâm như thế, vua chúa đời này phỏng được mấy người quy y Tam Bảo? Trái lại có

lắm vua quan, Tể tướng tàn hại Phật pháp, ra lệnh đập tượng, phá Tăng không chút nương tay. Nghĩ thật thương tâm.

³³ Thực hành vô lượng vô biên hạnh khổ khó làm khó nhẫn”: Vua Ưu Đà Diên dùng những lời trên để ca ngợi Đức Phật. Thật vậy, Đức Phật khi còn làm hạnh Bồ Tát, vì cầu Vô thượng Bồ Đề, Ngài đã làm những việc vô cùng khó khổ. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Đức Tỳ Lô Giá Na từ sơ phát tâm, tinh tấn không lui, đem bất khả thuyết thân mạng để mà bố thí. Lột da làm giấy, chẻ xương làm viết, chích máu làm mực, đập tủy làm nước, biên chép kinh luật của chư Phật quá khứ, chất chứa như núi Tu Di, bố thí đầu, mắt, tủy, não, da, thịt, tay, chân, nước, thành, voi, ngựa các vật sở hữu, cho đến ngày ngồi dưới cội Bồ Đề, thành đáng Chánh giác.” Hạnh khổ khó làm khó nhẫn là vậy.

³⁴ Ghi chú: Nơi quyền thượng này chỉ mới diễn thuật lại thời gian Đức Phật lên cung trời Đao Lợi thuyết kinh và giáo hóa chư Thiên, cùng diễn thuật lại sự tạo tượng của vua Ưu Đà Diên, và việc chư Thiên, Nhơn gian đưa đón Đức Phật trở xuống trần gian. Nơi quyền Hạ, Bồ Tát Di Lặc mới thay mặt Thánh phàm mà hỏi Đức Phật về những phước báo, công đức của việc tạo tượng.

³⁵ Đức Phật ngồi tòa sư tử: Đức Phật là đáng “Nhơn trung sư tử” là đáng oai hùng giữa loài người cho nên Ngài ngồi chỗ nào, lấy đức mà đặt tên chỗ đó là tòa sư tử, cũng như chỗ của Đế Vương ngồi gọi là Long tòa (bệ rồng). Luận Trí Độ quyển 7 nói: “...Đặt hiệu Sư tử nhưng thật ra chẳng phải con sư tử. Phật là đáng oai hùng giữa loài người, cho nên chỗ nào Ngài ngồi, hoặc giường hoạt đất, đều gọi là tòa Sư Tử.”

³⁶ Mười lục, Bốn Vô sở úy v.v...: Phật có vô lượng vô biên công đức nhưng nói gọn lại là 140 pháp Bất cộng, ấy là: 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp tùy hình, 4 Tinh hạnh, 10 Lục, 4 Vô úy, 3 Niệm xứ, 3 Bất hộ, Đại Bi (1), Thường không quên mất (1), Tri đoạn tập phân phiền não (1), và Nhứt thiết Chứng trí (1). Một trăm bốn mươi pháp này trong kinh Bồ Tát Thiên Giới, nơi phẩm 29 giải rất đầy đủ, các kinh số khác cũng có giải nhiều. Sở dĩ gọi Bất cộng là bởi, các bậc Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát đều chẳng chung cùng, dù có sống chung với Phật, cho nên gọi là Bất cộng.

³⁷ “Nếu có người nào dùng những tợ, sợi thêu thùa tượng Phật...”: Đây là Đức Phật chỉ cách tạo tượng. Người có đức tin trong sạch, tin Phật có vô lượng công đức như trên đã nêu, rồi dùng các vật liệu mà kinh đã dạy, hoặc tự mình thêu thùa, nấu đúc, hoặc thuê người khắc chạm, vẽ vờ, đắp sơn... tạo thành hình tượng Phật, phước báo người ấy không thể nghĩ bàn, như văn kinh sau nói rõ. Điều đáng lưu ý là thường phải tư duy những công đức nhiệm mầu của Phật. Sự tư duy này là yếu tố căn bản để thành tựu công đức.

Nhờ tư duy nên tự tâm phát sanh hạt giống vô lậu, chính hạt giống đó sẽ làm cái nhân để thọ phước về sau. Nếu chỉ dùng tiền bạc mua thỉnh, công đức sẽ ít ỏi.

³⁸ “Dùng những vật đó tùy phần sức mình tạo ra tượng Phật”: Đức Phật chỉ rõ các thứ vật liệu có thể dùng tạo tượng Phật, như Phật tử nào có tay nghề thuật, có thể dùng các vật liệu kể trên mà tạo thành tượng, hình tượng lớn, nhỏ là do ý thích của mình. Các Phật tử nữ nếu giỏi thêu thùa cũng nên phát tâm thêu hình Đức Phật để dùng lễ lạy cúng dường. Trước đây chúng tôi có đọc qua một câu chuyện, một người phụ nữ đức tin thanh tịnh thường thêu tượng Phật, một hôm trong lúc đang ngồi thêu, trên đầu mũi kim bỗng hiện ra một viên xá lợi. Thật là một việc kỳ lạ Phật tử chúng ta hãy tin sâu lời Đức Phật dạy.

Chú thích: Toàn văn nửa trang trước và nơi trang này Đức Phật dạy rõ phước báo sanh thân của người tạo tượng Phật. Tổng quát gồm có những phước như sau:

1. Không sanh vào nhà nghèo nàn mà sanh vào giòng tộc Luân vương.
2. Không sanh vào nhà hèn hạ mà sanh nơi nhà quý tộc giàu lớn.
3. Không sanh ở chỗ sơn cước biên thùy mà sanh ở trung tâm văn minh.
4. Không sanh thời kỳ không có Phật Pháp mà sanh vào thời có Phật ra đời, hoặc có Phật pháp lưu thông.
5. Không sanh vào nhà tà tín, tà kiến mà sanh nơi nhà chánh tín.
6. Không sanh vào nhà hàng thịt, làm cho các nghề ác.
7. Không sanh vào hạng Kỹ nữ thấp hèn, tôi tớ nô bộc, mà sanh vào hạng vương phi, công chúa.
8. Hoặc sanh cõi trời làm thân Đế Thích, Phạm Vương...

Đoạn trước tổng quát nói về tám thứ phước báo sanh thân của người tạo tượng. Đó là phần thân thể và danh vị. Đến đây Đức Phật nói về tướng mạo hình dáng. Người tạo tượng Phật sau được phước báo thân thể vẹn toàn, tướng mạo đoan nghiêm, có những nét đẹp như những nét đẹp nơi 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp tùy hình của Phật, và chư Bồ tát, chỉ thiếu tướng nhục Kế và tướng bạch hào, tướng chữ vạn... Các tướng tốt được kể trên đây, trong các kinh thường gọi là đại nhơn tướng hay đại trượng phu tướng. Trong kinh luận có chỗ nói: Bồ Tát phải tu nhiều kiếp mới được mỗi tướng tốt nơi thân. Vậy mà một người chỉ tạo tượng Phật lại mau chóng có những tướng ấy. Thế thì công đức tạo tượng không thể nghĩ bàn.

³⁹ “Tựa hồ như trời Na La Diên”: Na La Diên là tên một lực sĩ trên trời, hoặc là tên khác của trời Phạm Vương. Trong sách Pháp Hoa Nghĩa Sớ quyển 12 của Ngài Gia Tường ghi: “Ngài Chơn Đế nói: Na La dịch là người. Diên dịch là Gốc sanh ra. Phạm Vương là Tổ Phụ của con người cho nên gọi là “Cội gốc sanh ra” (Sanh bản) Ngài Cựu Ma La Thập thì gọi Na La Diên là lực sĩ cõi Trời... Kinh Đại Nhứt Nghĩa Sớ quyển 10 nói Trời Tỳ Nữ có

nhiều tên khác nhau mà tên Tỳ Nữ là một tên khác của trời Na La Diên. Cũng theo kinh Đại Nhật thì trời Na La Diên là hóa thân Phật, cũng là một trong mười chín Thần chấp Kim cang.

⁴⁰ “Những bệnh như vậy bốn trăm bốn chứng thầy đều không có”: Người tạo tượng Phật thành tựu đầy đủ những công đức thật là lạ lùng hiếm có. Ngoài những phước báu địa vị cao tôn, thân tướng vẹn toàn, thông minh trí tuệ, còn có những phước báu khác như: sức lực rất mạnh, khỏi tất cả bệnh, không các nạn dữ, khỏi các cực hình v.v... Nói chung là những nỗi khổ nơi thân mà một con người bình thường không sao tránh khỏi. Nếu người tạo tượng Phật, lại không mắc phải các nỗi khổ ấy. Về bốn trăm bốn chứng bệnh nhiều nơi đã giải.

⁴¹ “Nghệp lành, nghiệp dữ đều chẳng mất mát”: Vì sao các nghiệp lành dữ chẳng mất? Vì mỗi chúng sanh đều có đủ tám thức, từ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý và mạng na thức đều huân vào thức A lại gia Tàng thức (thức thứ 8). Tàng thức này vô hình, vô tướng nhưng rộng lớn không có ngăn mé. Tuy không hình tướng nhưng nó có công năng duy trì vô lượng vô biên kiếp trở lại. Khi nhân duyên đã thuận thực thì những hạt giống ấy bị truyền tống ra ngoài (hiện hành), làm cho chúng sanh cảm chịu vô lượng sự khổ vui. Tuy Tàng thức đủ vô lượng chủng tử thiện ác, nhưng không phải là chẳng thể phá hoại. Một khi dụng công quán chiếu thì những “chủng tử” ấy có thể bị phá diệt, hoặc mất tác dụng. Bởi ý nghĩa này nên các nghiệp đều bất định và có thể chuyển đổi.

Chú thích: Văn trên Đức Phật dạy tạo tượng để sám hối quả báo nghèo nàn, yếu mạng, tàn tật. Tạo nghiệp thế nào mà mắc các báo đó? Do chẳng gieo trồng căn lành trong ruộng phước Tam Bảo. Do không cấp giúp người nghèo, nên bị quả báo túng thiếu, nghèo nàn. Do đời trước ưa giết hại những loài chim hay thú chạy, nên mắc báo tuổi thọ sẽ ngắn ngủi. do chê bai Phật Pháp, nhạo báng Hiền Thánh, nhục mạ người tu hành, cho nên mắc quả báo tật nguyền. Nếu tự xét biết tội cũ, phát tâm tạo tượng, lễ lạy sám hối các tội lỗi trước, thì không tạo lại, tức có thể chuyển đổi quả xấu trong hiện đời nay, không hẳn phải đợi đến đời vị lai. Trong hàng tại gia đã có nhiều Phật tử, làm đúng điều này, kết quả rất đúng như kinh dạy.

⁴² “Nghệp có ba thứ”: Kinh đã trình bày về ba loại nghiệp. Thuật ngữ thường gọi là Hiện báo, Sanh báo, Hậu báo. Hiện báo là làm dữ làm lành thì ngay trong đời này qua đời sau hoặc 10 đời 100 đời sau mới chịu quả báo. Hậu báo là đời nay tạo lành tạo dữ nhưng qua vô số kiếp sau mới chịu quả báo. Còn Định nghiệp và Bất định nghiệp là, giả sử tạo nghiệp nặng quyết định sẽ đọa địa ngục, nhưng nhờ sám hối, tạo các công đức có thể khỏi đọa

địa ngục nhưng phải chịu nghiệp nhẹ hơn bị lao ngục thế gian, đó là Định nghiệp. Bất định nghiệp đại để cũng như vậy.

⁴³ Địa ngục vô gián: Vô gián nghĩa là không gián cách, không dừng nghỉ. Người tạo năm thứ tội hay một trong năm tội như trên, quyết đọa địa ngục mà dự hành hạ không dừng. Có năm điều: 1. Chịu khổ đêm ngày cho đến nhiều kiếp không lúc nào dứt. 2. Một người cũng chạt, nhiều người cũng chạt. 3. Khí cụ hành tội nhiều loại ghê gớm, đều là bằng đồng, bằng sắt, bằng đá, bằng lửa hành hạ tội nhân. 4. Chẳng kể đàn ông, chẳng luận đàn bà, Trời, rồng, thần, quỷ, Mùong mán, giàu, nghèo, Tội hành nghiệp cam phải đồng chịu quả. 5. Từ khi mới vào đến trăm ngàn kiếp, một ngày một đêm muôn lần chết, muôn lần sống, cầu mong một niệm tạm dừng chẳng được, trừ khi nghiệp mãn mới được chuyển kiếp. Bởi lẽ triền miên, nên gọi là vô gián. Ta nên lưu ý, tất cả hành tướng ấy đều do tâm biến hiện ra cả.

Văn trước nói đến kẻ bất tín, đối với chánh pháp nói là phi pháp, phi pháp nói là chánh pháp. Đây thuộc về tội bất tín. tội này do người cố ngang bướng mà ra. Tội phá kiến nặng hơn tội bất tín. Phá kiến là phá hỏng tri kiến chơn chánh của mình, hoàn toàn bác bỏ diệu lý Phật tánh sẵn có nơi tự tâm. Đức Phật gọi hạng này là “Nhứt xiển đề” nghĩa là tự đánh mất giống Phật. Hạng này mãi mãi chịu khổ, khó thể giải thoát. Nếu tin mình có Phật tánh nhưng vì bướng bỉnh không chịu thua người chánh lý, thì tội này nhẹ hơn tội phá kiến.

⁴⁴ “Nhu có chúng sanh hoại pháp thân Phật”: Hoại pháp thân Phật nghĩa là không tin mình có Phật tánh, Phật tánh này là tánh bản nhiên thanh tịnh sẵn đủ nơi tất cả chúng sanh. Chư Phật chúng suốt bản tánh này, gọi là Như Lai Tạng hay Như Lai pháp thân, Pháp thân nghĩa là lấy pháp giới tánh làm thân. Pháp giới tánh là tánh linh diệu sáng suốt, trùm khắp mười phương ba đời, không một vật gì ngoài nó, Pháp tánh này vô hình vô tướng, chẳng thuộc cái có, chẳng thuộc cái không, nên rất khó nhận, khó hiểu, do đó những ngoại đạo chấp chặt thân ngã không tin nổi pháp này. Bởi vậy với chánh pháp họ cho là phi pháp, chẳng phải pháp cho là pháp.

⁴⁵ Nơi trang trước Ngài Di Lặc hỏi về tội trộm cắp vật của Phật, vật của Tăng, câu Phật chỉ dạy. Vật trong tháp Phật thì dễ hiểu. Đây xin giải sơ ba loại vật của Tăng. Vật thường trụ là những bất động sản và những tiện nghi của chùa như bàn ghế, giường tòa... Chư Tăng bên ngoài đến ở được phép sử dụng nhưng không được đem đi. Vật bốn phương Tăng: Cũng gọi là vật chiêu đề. Đó là những món tiêu thụ như rau quả, gạo, muối... Chư Tăng bên ngoài đến ở, có thể được chia phần và được phép đem đi. Vật hiện tiền Tăng là những món đã được chu cấp cho cá nhân mỗi Tăng sĩ đang sống trong

cộng đồng Tăng trong một chùa. Người trộm cắp những vật của chúng Tăng sẽ chịu quả báo địa ngục vô gián (kinh Địa Tạng).

⁴⁶ “Ở trong Phật pháp mà phạm khí tội”: Khí tội thuật ngữ gọi là tội Ba la di. Khí là vứt bỏ, là bị loại khỏi Tăng số. Người phạm một trong những tội này kể như mất Tăng cách, sẽ sanh đến chỗ cực xấu chịu nhiều thống khổ lâu dài. Khí tội bên Tăng có bốn: Dâm, Đạo, Sát, Vọng. Bên ni có tám: Bốn pháp đầu như bên Tăng, hai pháp sau thuộc tội đồng lõa che dấu, và thuận theo sống chung với người mắc tội. Theo luật của Tỳ kheo, một khi phạm khí tội, không cho tác pháp sám hối. Về tội Ba la di của Bồ Tát có mười pháp, nếu phạm phải, được phép đối trước tượng Phật, Bồ Tát sám hối cho đến khi nào thấy hảo tướng thì tội ấy diệt, nhưng cần phải thọ lại mới không mất giới Bồ Tát (Lược giải).

⁴⁷ Ba Thừa pháp: Danh từ ba thừa văn trên đã nêu. 1. Thanh Văn lấy pháp bốn Thánh Đế làm thừa. Nghĩa là vận dụng tâm sáng suốt chứng bốn Thánh đế, nhập Chơn không Niết Bàn, không bị sanh tử trở lại. 2. Duyên Giác thừa hay Bích Chi Phật thừa: Duyên Giác lấy pháp Thập nhị nhân duyên làm thừa. do vận tâm sáng suốt chứng Pháp không chơn như, thoát ly hệ phước sanh tử, gọi là Duyên Giác thừa. 3. Bồ Tát thừa hay Phật Đại thừa: Do tu Thập độ vạn hạnh trong vô lượng vô số kiếp, thành tựu 32 tướng tốt 80 vẻ đẹp, thành tựu mười Lục, tứ Vô sở úy... Nói chung là 140 pháp bất cộng (như trước đã giải) và vô lượng vô số pháp môn chẳng thể nghĩ bàn. Đó mệnh danh là Bồ Tát thừa hay Phật Đại thừa.

⁴⁸ “Vua Ba Tư Nặc nương oai thần Phật...”: Sau khi Đức Phật nói về những công đức chẳng thể nghĩ bàn của việc tạo tượng Phật, công đức ấy có thể diệt những nghiệp như: Thoát cảnh gông cùm lao lý, khỏi cảnh nghèo nàn tật nguyên, thoát cảnh khổ nặng bởi năm tội vô gián, thoát tội bất tin, phá kiến, thoát tội trộm vật thường trụ, thoát tội Tứ khí (Ba la di)... Trong hội có một số những người chưa phát tâm Đại thừa đâm ra nghi ngờ. Phật dùng thần lực khiến vua Ba Tư Nặc thưa hỏi để Ngài giải đáp. Sự gia bị này cho ta thấy Đức Vô sở úy của Như Lai, biết chúng sanh nghi ngờ, cứ mở rộng cho họ thưa hỏi mà không hề sợ sệt khóa lấp như những hàng ngoại giáo khác.

⁴⁹ “Khất thực chẳng được, bát không trở về”: Vua Ba Tư Nặc thuật lại bảy “nạn” đã qua để Phật giải nghi cho đại chúng. Trong 40 năm thuyết pháp độ sanh, Đức Phật thị hiện gặp bảy trường hợp trên, ngoài ra còn có mấy trường hợp nữa như sự phao vu của Tôn Đà Ly, Chiên Giá Ma Ni... Phật thị hiện chịu các “nạn” nhằm khích lệ dụ tấn, an ủi bốn bộ đệ tử và khắp chúng sanh, để chúng sanh thấy rằng Trí tuệ vô biên, phước đức vô lượng như Ngài mà còn có lúc phải trả Dư báo, huống kẻ phạm phu đầy dẫy vô lượng tội lỗi làm sao tránh khỏi. Những sự thị hiện này chính là phương tiện nhiệm màu hay

khéo của Đức Phật. Nơi đoạn văn sau, Đức Phật thổ lộ cho chúng ta biết rõ ràng về những phương tiện của Ngài.

⁵⁰ “Ta nhớ quá khứ cách vô lượng kiếp... Lúc đó ta còn tham, giận, si mê...”: Còn tham, giận, si mê tức còn ở địa vị phàm phu, chưa được quả vị Hiền, Thánh (Tam Hiền, thập Thánh tức 40 thứ bậc Bồ Tát). Theo lời Phật dạy, nếu ước lượng thời gian thì sự lâu xa không biết cơ man mà kể. Thời kiếp lâu xa như vậy trong kinh thường gọi là “Bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát cực vi trần số kiếp” nghĩa là kiếp số nhiều như số bụi nhỏ của bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật. Một cõi Phật (Phật sát) phạm vi tối thiểu là một tỷ thái dương hệ. Thế thì Bồ Tát từ khi mới phát tâm, đến lúc thành Phật, phải qua vô lượng số kiếp.

⁵¹ “Ta thuở quá khứ cấp giúp vô lượng món ăn thức uống, tiền tài châu báu...”: Đức Phật Thích Ca trong thời gian tu Bồ Tát hạnh, qua vô lượng trăm ngàn muôn ức vô số kiếp, Ngài bố thí chúng sanh nào là nước, thành, vợ, con, món ăn, thức uống, các thứ châu báu, y phục, voi, ngựa, xe cộ v.v... cho đến đầu, mắt, tủy, não, tay, chân, xương, thịt, da, máu... Thứ nào cũng nhiều như cát trong đại địa. Kinh Đại Bửu Tích chép: “Nhu Lai bố thí máu huyết cho chúng sanh, nhiều như nước trong bốn biển lớn, bố thí da, thịt, tay chân... Mỗi mỗi đồng như cõi Diêm Phù Đề (quả đất). Đức Phật đã gieo nhơn như vậy, tất nhiên chẳng thể có quả báo thiếu ăn, thiếu uống...”

⁵² “Chư Phật Như Lai là thân thường hằng, là thân pháp tánh”: Các Đức Như Lai pháp thân biến hư không pháp giới, nhưng chúng sanh phàm phu thấy thân Đức Như Lai chỉ cao hai mét, hình tướng là một Tỷ kheo. Sở dĩ như thế, là do kiến phần năng duyên của phàm phu cạn cợt cho nên thấy sắc thân Phật nhỏ. Cái thấy đó là tận lượng ảnh hiện. Đức Phật cũng tùy tâm lượng của chúng sanh phàm phu, Thanh Văn mà hiện thân liệt ứng. Kỳ thật, thân Phật rộng lớn sánh đồng hư không, làm sao có các sự khổ nạn?

⁵³ Từ lúc vua Ba Tư Nặc nêu lên bảy nạn, cầu Phật quyết nghị. Đến đây chúng ta được nghe Đức Phật tiết lộ những sức phương tiện sâu kín hay khéo của Ngài, khi thị hiện ra đời khai sáng đạo giáo dẫn dắt chúng sanh. Từ bấy lâu nay hầu hết Phật tử chúng ta, khi đọc đến các chuyện kể trên, có lẽ đều tin chắc đó là sự thật hiển nhiên bất di bất dịch. Ngày nay khi gặp kinh này chúng ta, mới vỡ lẽ ra rằng Đức Như Lai thị hiện nghiệp huyễn để đối trị tâm huyễn vọng của chúng sanh, đưa chúng sanh đến cảnh giới chơn thật, thường hằng: Nếu Phật không thổ lộ bản hoài độ sanh của Ngài như trong kinh này, chúng ta khó biết được đâu là sự thật!

⁵⁴ “Thường muốn mê hoặc tất cả mọi người, lại cũng bị người lừa gạt trở lại”: Bồ Tát Di Lặc vì thương xót nữ lưu có các tập khí sâu nặng khó dứt khó bỏ, cho nên nêu đề cầu Đức Phật chỉ dạy đường lối chuyển nghiệp, phương

pháp dứt trừ. Nữ lưu dẫu có “bí quyết” chinh phục lòng người, nhưng kết cuộc rồi sự thua thiệt tự mình gánh chịu. “Đau đớn thay phận đàn bà, lời rằng bạc mệnh vẫn là lời chung” (Nguyễn Du). Nữ giới phát tâm tinh tấn tu hành vẫn có thể vượt phàm làm Thánh. Nhưng cần xét rõ “sở đoản” chính mình, buông bỏ cá tánh ghen hờn, quyến rũ, phát tâm tạo tượng, để mau thoát khỏi thân phận nữ lưu.

Chú thích: Đức Phật được gọi là đấng Nhứt Thế Chúng Tri, biết suốt cùng tận nghiệp tánh chúng sanh. Ngài xem tất cả chúng sanh bằng con mắt từ bi bình đẳng, không hề có sự phân biệt nam nữ. Vì chỉ rõ sự hơn kém sai biệt giữa căn cơ chúng tánh mà Đức Phật nói đến nguyên nhân, cũng như chế định giới luật, để phù hợp với nghiệp tánh mỗi hạng. Nếu không như thế, thì nữ giới khó thể tu hành. Chúng ta thấy rõ cá tánh kiêu sa nhiệm trước của nữ lưu thật nặng, nghiệp ái sâu dày dồn chứa mãi lên cho nên hằng chịu thân nữ. Tuy nhiên trên cương vị phàm phu luân hồi có nam, có nữ, những gì thuộc phẩm hạnh cao quý của nữ nhơn, Đức Phật vẫn đề cao và không phủ nhận.

⁵⁵ Sau khi nói căn nguyên người nữ, do ái nhiễm nặng nên hằng chịu thân nữ. Tiếp đến Đức Phật dạy về căn nguyên người nam, do tạo bốn nghiệp sau chịu thân nữ. Kinh Báo Phụ Mẫu Trọng Ân dạy: “Đời trước thường hay lui tới tự viện cúng dường Tam Bảo, hộ trì Tăng chúng, cho nên được thân nam tử.”. Đời nay nếu dùng giọng nữ réo gọi Thánh nhơn, chê người khác, nhỏ mọn ganh ghét người giỏi hơn mình... Tạo bốn nghiệp trên sau mất thân nam, phải chịu thân nữ. Văn trên nói đến “các vị Thánh nhơn” Thánh nhơn ở đây chỉ cho các bậc Tu Đà Hoàn hướng, Tu Đà Hoàn quả, Nhứt Lai hướng, Nhứt Lai quả, Bất Hoàn hướng, Bất Hoàn quả, A La Hán hướng, A La Hán.

⁵⁶ Huỳnh môn: Tiếng Phạn gọi là Bát tra a tỳ đàm. Trung Hoa dịch là “người khuyết căn.” Trong luật có ghi năm loại huỳnh môn. 1. Sanh huỳnh môn: Từ khi sanh ra, tướng thì con trai, nhưng khuyết nam căn. 2. Huỳnh tàn huỳnh môn: Do vợ lớn vợ nhỏ ghen tương cắt bỏ khi tuổi còn ấu thơ. 3. Cát khước huỳnh môn: Do vua, quan, thân người vào cung cấm, cắt bỏ để phòng bị thể thiếp cung nhơn. 4. Đố huỳnh môn: Do thấy người khác hành dục, khi đó thân căn sanh khởi. 5. Bán nguyệt huỳnh môn: Nửa tháng như người nam, nửa tháng không phải nam.

Hạng huỳnh môn như trên thường bị chứng bệnh mà người thường gọi là “đồng tính luyến ái”. Con số người này ngày nay rất nhiều, có thể gây các chứng bệnh thời đại mà giới y học Đông Tây đều khó chữa trị.

⁵⁷ Thân hai hình: Khi thì đàn ông khi thì đàn bà. Nghĩa là khi xúc chạm người nam, dục tướng dậy khởi, bỗng nhiên biến thành người nữ. Khi thân cận người nữ, dục tướng dậy khởi, bỗng thành thân nam.

Trước đây, khi nghe nói và xem trong kinh nói đến điều này, chúng tôi rất phân vân chưa rõ hư thực thế nào. Về sau có người thuật lại cùng chúng tôi rằng “thân hai hình” lại có thật. Chừng đó chúng tôi mới tin chắc điều này. Đời trước tạo nhân nào, đời sau chịu quả ấy. Đức Phật là đấng Nhứt Thiết Trí biết suốt ngấn mé nghiệp tánh của chúng sanh. Điều Ngài nói ra không bao giờ sai lầm. Được nghe những lời Phật dạy, chúng ta hãy tránh tạo những cái nhân thấp kém như trên, để vị lai khỏi chuốc lấy quả báo thấp hèn như kinh đã dạy.

⁵⁸ “Tâm họ thường sanh ái dục của nữ”: Sự ái dục giữa nam nữ là một định luật vốn có tự ngàn xưa, không mấy ai tránh khỏi. Tuy vậy trong đạo phu thê phải có tiết độ chừng mực, vừa để bảo tồn thọ mạng, vừa bảo vệ hạnh phúc ở đời. Người nam nếu dâm dục thường xuyên, sau khi chết sẽ đọa địa ngục giường sắt cột đồng. Tự thấy mình nằm trên giường sắt, có những trụ đồng, gương soi biến thành chó cắn xé, thiêu đốt tội nhờn, tội nhờn chịu những thống khổ như thế trải qua nhiều kiếp. Những hành tướng này đều từ bốn đại, năm uẩn và tang thức biến hiện, không phải thật. Trời đặt để địa ngục như thế. Đạo lý của Phật thuyết minh vạn pháp duy tâm là vậy.

⁵⁹ “Có năm thứ xén”: Năm thứ xén lận trong kinh thường gọi là ngũ xạn. 1. Trụ xứ xạn: Nghĩa là chỉ ta riêng ở chỗ này, không dung chứa người khác. 2. Gia xạn: Chỉ ta vào ra nhà này, không cho người khác ra vào. 3. Thí xạn: Chỉ riêng ta nhận của bố thí này, không cho kẻ khác nhận lấy. 4. Dư tán xạn: Chỉ riêng ta được nhận sự khen ngợi này, không cho người khác nhận lấy. 5. Pháp xạn: Chỉ riêng ta hay biết nghĩa lý sâu xa của kinh ấy, không cho người khác hay biết. (Thành Thật luận quyển 12). Kinh đây có khác một điều nhưng điểm đại khái vẫn đồng như trên.

⁶⁰ “Có năm nhân duyên làm cho chúng sanh, sanh chỗ man di ở chốn biên cương”: Trong năm nguyên nhân làm cho con người sanh vào chỗ nạn thì một nhân đầu “chẳng sanh tịnh tín đối với ruộng phước Tam Bảo” có thể thông cả Tăng tục. Bốn nhân duyên sau, riêng nói đến hàng ngũ xuất gia. Bởi vì, đi giáo giới Tỳ kheo Ni hay đi giáo thọ Tăng ni, là việc làm của một Sa môn Tỳ kheo. đến như chia rẽ Tăng chúng thành ra hai bộ, hoặc tối thiểu ly gián chia rẽ hai thầy Tỳ kheo, khiến cho bất hòa... Đó là những sai trái từ bức Sa môn.

⁶¹ “Năm thứ nhân duyên thường bị nhiều người chán ghét xua đuổi, cả đến người thân cũng không ưa gặp”: Năm nhân duyên này bởi lỗi vọng ngữ. 1. Nói hai lưỡi, tức là đến người này nói xấu người kia, đến người kia nói xấu người này, khiến lìa ân nghĩa, kêu gọi tranh đấu, cho đến đi xúi giục hai nước đánh nhau. 2. Nói hung ác, tức nguyên rửa, hỗn ẩu mắng nhiếc nhục mạ người. 3. Nhiều sự tranh chấp, tức hay câu mâu hơn thua kinh cãi chống

đổi, không nhường nhịn người. 4. Nhiều sự giận dữ, Tánh tình nóng nảy, việc gì trái ý là mất bình tĩnh giận dữ quát tháo om sòm. 5. Giỏi nói bóng bẩy châm biếm, mỉa mai hạ giá trị người. Bởi những nhân duyên này sau mắc quả báo bị người chán ghét, xua đuổi, bà con cũng không ai ưa.

⁶² “Chư Phật có vô lượng vô biên phước đức thù thắng... vô lượng vô biên tam muội giải thoát”: Các Đức Như Lai từ khi phát tâm tu Bồ Tát đạo, cho đến thành Phật, các Ngài trải qua không biết bao nhiêu thời kiếp lâu xa. Kinh nói trải qua ba vô số kiếp, đó là nói một cách tóm tắt mà thôi, nếu nói một cách nghiêm túc, thì sự lâu xa đến hàng trăm vạn a tăng kỳ kiếp, hay vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp. Trong thời gian đó các Ngài tích lũy vô biên phước đức, thành tựu vô biên trí tuệ, thần biến, phương tiện, giáo hóa chư Bồ Tát và khắp muôn loài chúng sanh khắp các cõi nước trong mười phương, cùng tột ngấn mé nơi đời vị lai, đó là nghĩa vô biên pháp công đức. Những pháp công đức này không thể dùng trí lực của phàm phu, La Hán hay trí lực của chư Bồ Tát, Tam Hiền, Thập Thánh mà biết đến. Kinh Pháp Hoa nói ‘Giả sử đầy thế gian đều như Xá Lợi Phất, cùng suy lường trí Phật chẳng biết được chút phần...’ Nơi đoạn văn trên Đức Phật đưa ra một con số “kinh khủng” như thế để chúng ta có một khái niệm trừu tượng về những công đức của chư Phật. Những công đức này chúng ta không thể tìm thấy nơi pháp sanh diệt hữu vi, vì nơi thế tướng dụng rộng lớn vô biên của chư Phật hiện ra, cho nên nó khắp giới. Sở dĩ chúng sanh được lợi ích là căn cứ nơi thiện căn phước đức của chúng sanh mà có lợi ích, chư Phật không hề có tác ý riêng tư. Bản thể của chư Phật đã vô hình, thì diệu dụng cũng vô tướng.

Trước đây nêu rằng chư Phật có vô lượng vô biên trí tuệ, tam muội giải thoát, tổng trì... và người tạo tượng Phật sẽ diệt vô lượng tội, thành tựu vô lượng phước. Qua điều này, đa số tin rằng toàn do tha lực. Chúng ta không phủ nhận lý ấy, nhưng ta cũng nên tin rằng tâm lực chúng ta có phát động thì mới cảm ứng tha lực ở ngoài. Tự lực có phát động mới chiêu cảm tha lực do đó toàn tha tức tự. Bởi vì Phật với chúng sanh thế tánh bình đẳng bất nhị, do đó khi chúng ta vận dụng khả năng tuệ giác một phần, chính là ta gạt hái một phần dụng lực chẳng thể nghĩ bàn của chính tự mình. Đại thừa Công đức là đây vậy.